



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 1 (từ 04/01 - 08/01/2015)

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711215

Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: trangtin@mard.gov.vn

Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, Biên bản họp Fed tháng 12 cho thấy lãi suất sẽ tăng chậm do lo ngại lạm phát vẫn ở mức thấp. Giới đầu tư tiếp tục quan ngại về sức khỏe kinh tế Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sau khi số liệu cho thấy hoạt động sản xuất của Trung Quốc sụt giảm tháng thứ 5 liên tiếp. Bắc Triều Tiên tiến hành thử nghiệm vũ khí hạt nhân làm gia tăng căng thẳng chính trị và bất ổn ở khu vực Trung Đông cũng là các nhân tố tác động tới tâm lý nhà đầu tư.

Thị trường thế giới: Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo Việt Nam tuần qua giảm nhẹ do nhu cầu mua vào yếu và nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu mua vào nội địa đã làm tăng giá gạo Thái Lan.

Giá cà phê giảm do nhu cầu yếu và dự đoán nông dân trồng cà phê Việt Nam sẽ tăng bán ra để có nguồn tài chính chuẩn bị cho kỳ nghỉ Lễ Tết nguyên đán sắp tới. Đồng Yên tăng mạnh và triển vọng nhu cầu tiêu thụ cao su của Trung Quốc - nhà tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới, chưa có dấu hiệu khởi sắc trong năm 2016 đã khiến thị trường cao su kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo (Tocom) tuần qua tiếp tục đi xuống.

Giá đường tăng do khô hạn kéo dài trong 3 tháng qua tại Ấn Độ đe dọa sản lượng đường của nước này. Giá lợn hơi thị trường Chicago biến động tăng trong tuần qua do nguồn cung thắt chặt trong khi nhu cầu thịt lợn tăng cao.

Giá chè tại Bangladesh tăng phiên thứ ba liên tiếp trong phiên giao dịch tuần này nhờ nhu cầu mạnh trong mùa đông mặc dù lượng tiêu thụ giảm do một lượng lớn chè phẩm chất kém được chào bán.

Thị trường trong nước: Thị trường lúa gạo các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua tiếp tục trầm lắng do nhu cầu tiêu thụ yếu.

Thị trường bưởi tại một số tỉnh ĐBSCL đang "sốt" do lo ngại nguồn cung hạn chế trong dịp Tết bởi ảnh hưởng bất lợi của thời tiết nên năng suất trái cây nhiều nơi có xu hướng giảm.

Giá thu mua gà công nghiệp tại trại khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL tuần qua tăng do nhu cầu thị trường khởi sắc trong bối cảnh Tết Nguyên đán đã cận kề. Giá tôm nguyên liệu tiêu thụ nội địa tăng mạnh do người mua chuẩn bị hàng phục vụ Tết.

LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo Việt Nam tuần qua giảm nhẹ do nhu cầu mua vào yếu và nguồn cung hạn chế do nông dân rải rác thu hoạch lúa Đông Xuân sớm, trong khi giá gạo Thái Lan tăng do nhu cầu mua vào nội địa.

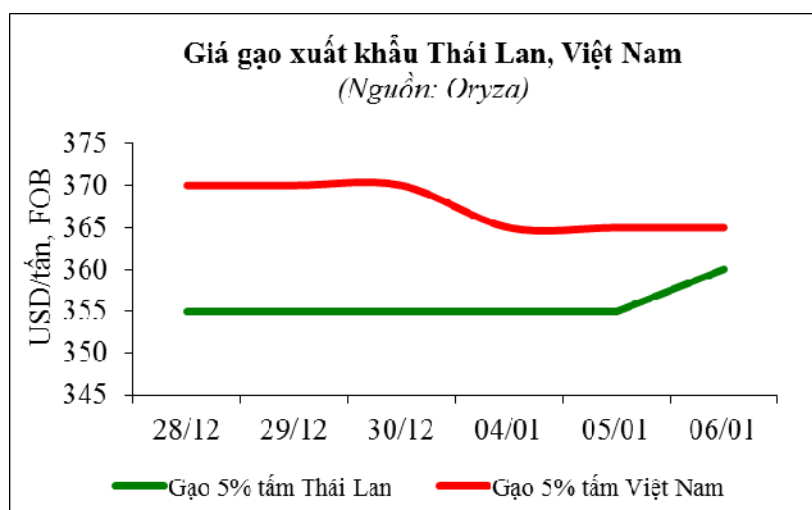
Gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan tuần qua tăng lên 350 – 360 USD/tấn (FOB Băng Cốc), so với 345 – 355 USD/tấn tuần trước; gạo 25% tấm tăng lên 340 – 350 USD/tấn so với 335 – 345 USD/tấn; riêng gạo Super A1 giảm xuống 315 – 325 USD/tấn so với 320 – 330 USD/tấn tuần trước. Mặc dù nhu cầu từ thị trường nước ngoài vẫn chưa cải thiện nhiều, nhu cầu tiêu thụ nội địa đang có xu hướng tăng trở lại do giá gạo giảm. Các tàu đang cập cảng Thái Lan để xếp gạo đi Trung Quốc và In-đô-nê-xia theo các hợp đồng chính phủ đã ký.

Theo quan chức Bộ Thương mại Thái Lan, nước này dự kiến bán ra 2 triệu tấn gạo theo các hợp đồng chính phủ trong năm 2016, trong đó một nửa dự kiến sẽ ký kết với Trung Quốc trong thời gian tới.

Chính phủ Thái Lan sẽ tiếp tục xả bán gạo lưu kho vào thời điểm thích hợp nhằm đảm bảo giá gạo vụ mới không bị ảnh hưởng. Hiện Thái Lan còn 13 triệu tấn gạo lưu kho, trong đó 6 triệu tấn không đạt tiêu chuẩn hoặc hư hỏng và được đánh giá là không phù hợp cho người tiêu dùng. Chính phủ Thái Lan đang lên kế hoạch tập trung hỗ trợ nông dân trồng lúa và tránh làm méo mó cơ chế thị trường, đồng thời cung cấp các khoản tín dụng lãi suất thấp cho nông dân và các nhà máy xay xát nhằm khuyến khích tạm trữ 6,6 triệu tấn gạo cũng như giúp nông dân cắt giảm chi phí sản xuất. Tuy nhiên, một số thương nhân cho rằng chính phủ không thể bán hết toàn bộ lượng gạo lưu kho trước hạn chót 2017. Các phiên đấu giá gạo của chính phủ sẽ không để đạt được mức giá thực tế vì người mua sẽ muốn trì hoãn việc chào giá và chờ đợi để mua gạo với giá thấp hơn trong phiên đấu giá tiếp theo.

Theo Bộ Kinh tế In-đô-nê-xia, Chính phủ nước này đang lên kế hoạch nhập khẩu 350.000 tấn gạo trong quý I/2016 để bổ sung lượng gạo dự trữ và hạn chế giá tăng. Tình trạng thiếu hụt lương thực có thể xảy ra tại In-đô-nê-xia vào cuối tháng 2/2016 và tháng 3/2016, đến tháng 4/2016 sẽ ổn định trở lại khi vào vụ thu hoạch. Trong quý IV/2015, In-đô-nê-xia đã nhập khẩu 1 triệu

tấn gạo từ Thái Lan và Việt Nam. Hiện 485.000 tấn gạo đã được giao cho In-đô-nê-xia. Gạo dự trữ tại kho của Cơ quan Hậu cần Quốc gia Bulog hiện đạt 1 triệu tấn. Theo Tổ chức Nông



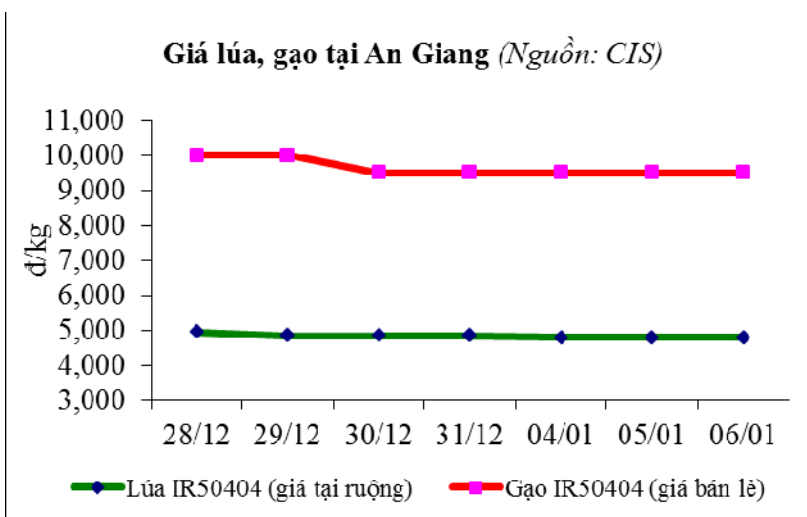
LÚA GẠO



lượng Liên Hợp Quốc (FAO), giá gạo bình quân tại In-đô-nê-xia tháng 12/2015 tăng lên 10.633 rupiah/kg (784 USD/tấn) và chính phủ đang tiến hành chương trình hoạt động thị trường gạo nhằm ổn định giá gạo ở 8.300 rupiah/kg (612 USD/tấn). Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo nhập khẩu gạo của In-đô-nê-xia năm 2016 đạt 1,6 triệu tấn, tăng so với 1,4 triệu tấn năm 2015. Sản lượng lúa của nước này năm 2016 đạt 57,165 triệu tấn, tăng so với 56,315 triệu tấn năm 2015.

Thị trường trong nước: Thị trường lúa gạo các tỉnh ĐBSCL tuần qua tiếp tục trầm lắng do nhu cầu tiêu thụ yếu, giá lúa diễn biến giảm. Nông dân tại một số huyện ở An Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu bắt đầu thu hoạch lúa Đông Xuân sớm, nguồn cung vẫn còn hạn hẹp. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua cụ thể như sau: tại An Giang, lúa IR50404 giảm từ 4.850 đ/kg xuống còn 4.800 đ/kg; lúa OM2514, OM 2717 giảm từ 5.000 đ/kg xuống còn 4.900 đ/kg. Tại Bạc Liêu, lúa tươi mới thu hoạch được thương lái thu mua với giá 4.700 – 4.800 đ/kg; lúa khô bán buôn giảm từ 5.700 đ/kg xuống còn 5.500 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa tươi IR50404 vụ Đông Xuân sớm ổn định ở mức tuần trước là 4.800 đ/kg. Tại Kiên Giang, giá lúa tẻ thường ở mức 5.900 đ/kg, lúa dài ở mức 6.100 đ/kg.

Tuần qua, giá gạo 5% tằm của Việt Nam giảm nhẹ xuống còn 355 – 365 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn), so với 360 – 370 USD/tấn tuần trước; gạo 25% tằm giảm từ 345 – 355 USD/tấn xuống còn 340 – 350 USD/tấn; gạo 100% tằm giảm từ 340 – 350 USD/tấn xuống còn 335 – 345 USD/tấn. Theo số liệu của Reuters, mức giá 360 USD/tấn là mức thấp nhất đối với gạo 5% tằm của Việt Nam kể từ ngày 14/10/2015. Gạo 5% tằm được chế biến từ lúa Đông Xuân mới được chào bán ở mức 365 – 370 USD/tấn do nguồn cung hạn chế. Nguồn cung sẽ tăng vào cuối tháng này và thu hoạch vụ Đông Xuân sẽ đạt đỉnh vào tháng 3/2016.



Thị trường đang theo dõi nhu cầu nhập khẩu gạo trong khu vực, đặc biệt từ Phi-lip-pin và Trung Quốc, hai khách hàng chủ chốt của gạo Việt Nam trong năm 2015. Phi-lip-pin được dự đoán sẽ đưa ra quyết định nhập khẩu đầu tiên trong năm 2016 vào tháng này, với khối lượng có thể từ 300.000 – 400.000 tấn. Các nhà nhập khẩu tư nhân của Phi-lip-pin được phép nhập khẩu tới 805.200 tấn gạo với mức thuế 35%.

CÀ PHÊ



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 1/2016 giảm 25 USD/tấn xuống mức 1.451 USD/tấn. Giá cà phê giảm do nhu cầu yếu và dự đoán nông dân trồng cà phê Việt Nam sẽ tăng lượng bán ra để có nguồn tài chính chuẩn bị cho kỳ nghỉ Lễ Tết Nguyên đán sắp tới.

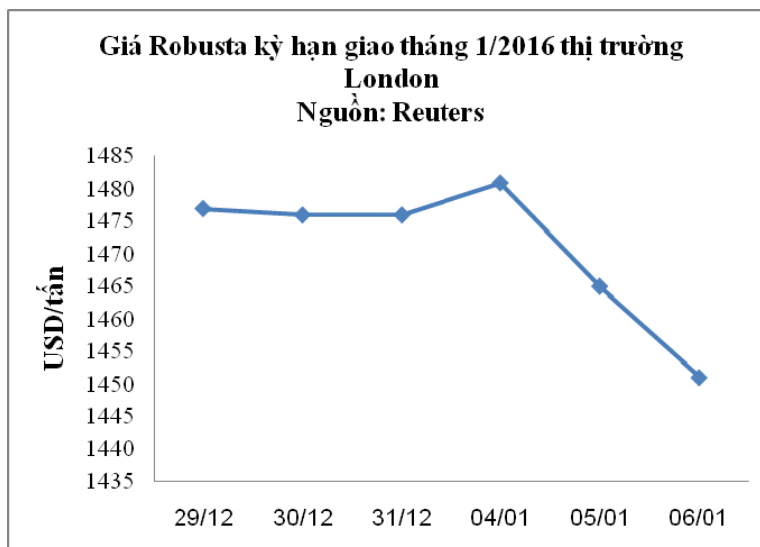
Theo số liệu sơ bộ của Bộ Thương mại Brazil, xuất khẩu cà phê tháng 12/2015 của nước này đạt 2.976.727 bao, giảm 67.986 bao, hay 2,23% so với????.

Báo cáo của chính phủ Ấn Độ cho thấy, xuất khẩu cà phê của nước này trong năm 2015 tăng 3,5% lên 5.128.767 bao, trong đó xuất khẩu Robusta tăng 23%, tuy nhiên xuất khẩu Arabica lại giảm 26%.

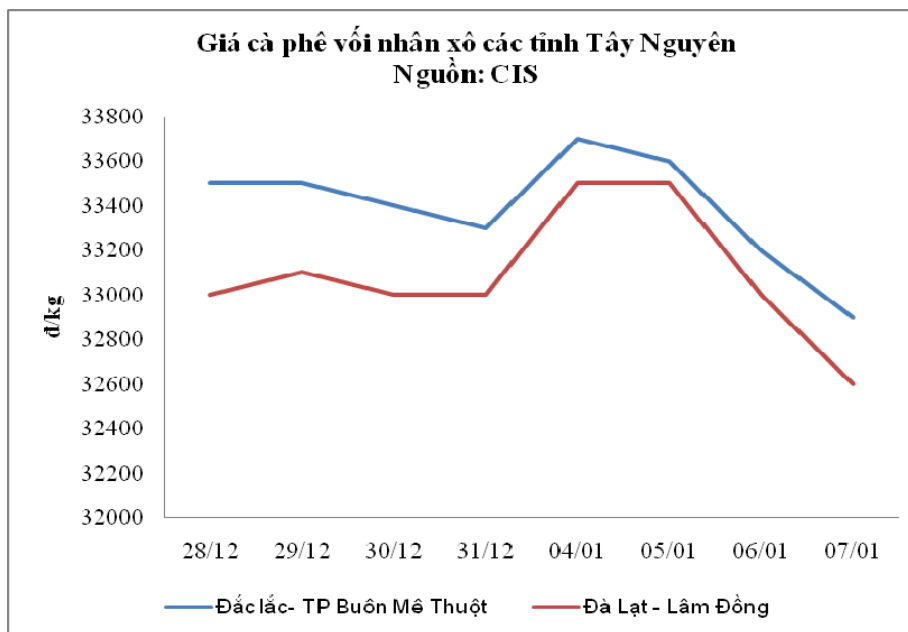
Theo số liệu của chính phủ Indonesia, xuất khẩu cà phê của Đảo Sumatra trong tháng 12/2015 đạt 200.772 bao, giảm 160.451 bao, hay 44,42%, so với tháng 12/2014. Do vậy, xuất khẩu cà phê 3 tháng đầu niên vụ 2015-2016 (tháng 10 - tháng 9) của Sumatra đạt 875.901 bao, giảm 210.861 bao, tương đương 19,4%, so với cùng kỳ niên vụ trước.

Xuất khẩu cà phê của Đảo Sumatra giảm chủ yếu do hiện tượng kháng giá khi giá tham chiếu trên sàn London vẫn ở mức thấp, chứ không phải do tình trạng thiếu hụt nguồn cung. Tuy xuất khẩu cà phê Robusta của Sumatra hồi phục ấn tượng trong niên vụ 2014-2015 (tháng 10 - tháng 9), đạt 4.696.981 bao, tăng 1.106.841 bao (30,84%) so với niên vụ trước, song thị trường dự đoán xuất khẩu cà phê Robusta của Đảo này khi niên vụ 2015-2016 kết thúc có thể giảm 2 triệu bao, chủ yếu do hiện tượng El Nino khiến sản lượng cà phê của Sumatra giảm. Tuy nhiên, trong dài hạn, nguồn cung cà phê Robusta khiếm tốn của Sumatra trong quý II và quý III/2016 cũng không đáng lo ngại nếu xét đến lượng cà phê tồn kho của Việt Nam và sản lượng cà phê vụ mới của nước này ước đạt 28 triệu bao, trong đó Robusta là 27 triệu bao.

Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 400 đ/kg xuống mức 32.600 – 32.900 đ/kg; Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB giảm 23 USD xuống 1.517 USD/tấn.



CÀ PHÊ



Niên vụ cà phê tại Việt Nam đã vào cao điểm thu hoạch và lượng cà phê tồn kho vụ cũ ở mức cao, dự đoán xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 1/2016 đạt 2,17 - 2,33 triệu bao. Nông dân cà phê sẽ tăng bán ra để có nguồn tài chính chuẩn bị cho kỳ nghỉ Lễ Tết nguyên đán sắp tới.

Theo số liệu của Chính phủ, trong suốt một thập kỷ qua, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 1 đầu năm thường cao hơn so với tháng 12 năm trước và đặc biệt cao hơn trong suốt giai đoạn 2013-2015.

Theo Bộ NN&PTNT, diện tích cà phê cả nước hiện đã lên đến 650.000ha, trong khi định hướng của Bộ NN&PTNT giới hạn ở diện tích 530.000ha. Trong số này, theo thông kê của Cục Trồng trọt, có tới 86.000ha cà phê đã trên 20 năm tuổi (chiếm 15%), 140.000ha từ 15-20 năm tuổi (chiếm 25%). Như vậy, tổng diện tích cà phê già cỗi cần phải trồng thay thế và chuyển đổi trong 5 năm tới khoảng 140.000-160.000 ha. Chính vì thế, theo định hướng của dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam, sắp tới chương trình tái canh cà phê sẽ được triển khai bài bản với nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân hàng Thế giới (WB).

Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên cho biết, hiện các tỉnh Tây Nguyên mới trồng tái canh được trên 57.420 ha cà phê và chủ yếu tập trung tại hai tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk. Các nông hộ, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cà phê ở Tây Nguyên đã sử dụng các giống mới cà phê vối như TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13 và trồng trên phần lớn diện tích. Đây là các giống cà phê vối chống chịu được sâu bệnh, kháng cao với bệnh gỉ sắt, thích nghi với điều kiện đất đai, khí hậu, nhân cà phê lớn (có trọng lượng 100 nhân cà phê trên 20 g), cho năng suất cao, chất lượng nước uống tốt. Nhờ đó, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng cà phê xuất khẩu trên thị trường thế giới.

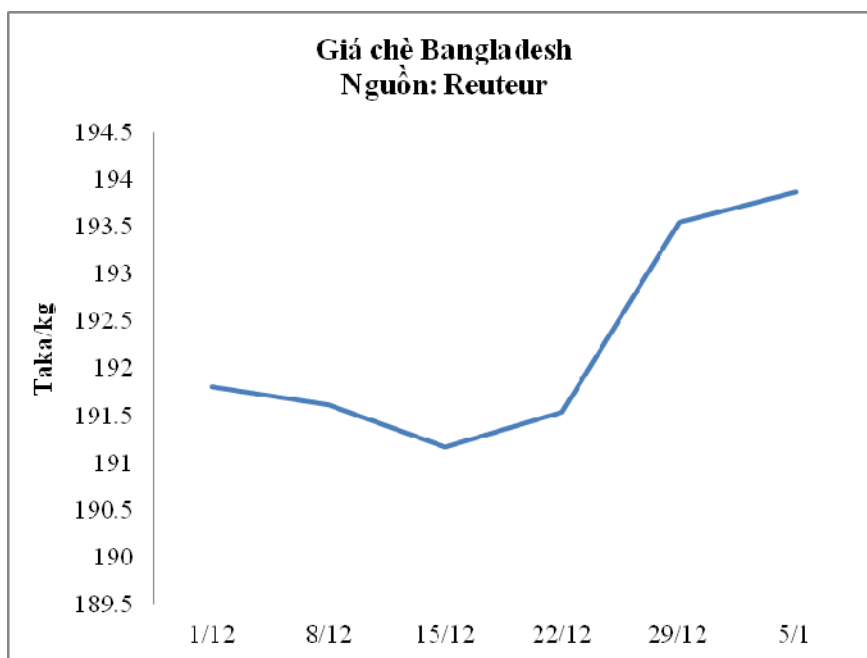
CHÈ



Thị trường thế giới: Giá chè tại Bangladesh tăng phiên thứ ba liên tiếp trong phiên giao dịch tuần này (05/01/2016) nhờ nhu cầu mạnh trong mùa đông mặc dù lượng tiêu thụ giảm do một lượng lớn chè phẩm chất kém được chào bán. Tại phiên đấu giá thứ 34 của mùa kinh doanh hiện tại, giá chè Bangladesh ở mức trung bình 193,87 taka/kg (2,44 USD/kg), so với mức 193,55 taka/kg tại phiên đấu giá trước đó (ngày 29/12/2015). Khoảng 2,02 triệu kg đã được chào bán tại trung tâm đấu giá duy nhất Chittagong, trong đó có 24% chưa được bán. Tại phiên đấu giá trước, khoảng 12% trong số 2,02 triệu kg chưa được bán.

Giá chè Best Broke Pekoe Ones (BP1s) TEABP1-BEST-KE hạng nhất Kenya trong phiên đấu giá tuần này ở Mombasa giảm so với phiên đấu giá tuần trước, đạt mức 3,10-3,94 USD/kg so với 3,22- 4,12 USD/kg của phiên đấu giá trước. Trong khi đó, giá chè Best Brighter Pekoe Fanning Ones (PF1s) TEAPF1-BEST-KE tuần này đạt mức 3,30 - 3,85 USD/kg, giảm so với 3,60 - 4,08 USD/kg tuần trước.

Tại Ấn Độ, phiên đấu giá đầu tiên của Hiệp hội Thương mại Chè Coonoor cho năm 2016 được tổ chức vào ngày 7/1 cho chè lá và ngày 8/1 cho chè bụi (chè vụn). Tổng cộng 1,364 triệu kg dự kiến sẽ được chào bán, nhiều hơn 312 nghìn kg so với doanh số của phiên đấu giá cuối cùng 2015 được tổ chức vào ngày 23/12. Có tới 12,04 lakh kg là chè CTC và chỉ có 1,57 lakh kg là chè đen Orthodox. Trong số lượng chè lá chào bán, chỉ 88.000 kg thuộc về chè Orthodox, trong khi 8,02 lakh kg là chè CTC. Trong số chè bụi, chỉ 69.000 kg thuộc về Orthodox, trong khi 4,02 lakh kg là CTC.



Thị trường trong nước: Giá chè nguyên liệu tại Thái Nguyên tuần này giữ giá sau khi nhích nhẹ vào tuần trước. Cụ thể, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 220.000 đ/kg; giá chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) ổn định ở mức 160.000 đ/kg; giá chè xanh búp khô (chưa sơ chế) ở mức 130.000 đ/kg.

CHÈ



Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng giá chè nguyên liệu tuần này giảm sau một thời gian dài đứng giá kể từ giữa tháng 8/2015. Khó khăn về thị trường xuất khẩu, giá xuất khẩu thấp đã tác động tới giá chè nguyên liệu tại đây. Giá chè sản xuất trà xanh loại 1 trong tuần này giảm 1.000 đ/kg xuống còn 8.000 đ/kg, trong khi chè nguyên liệu sản xuất chè đen loại 1 giảm 500 đ/kg xuống mức 4.000 đ/kg.

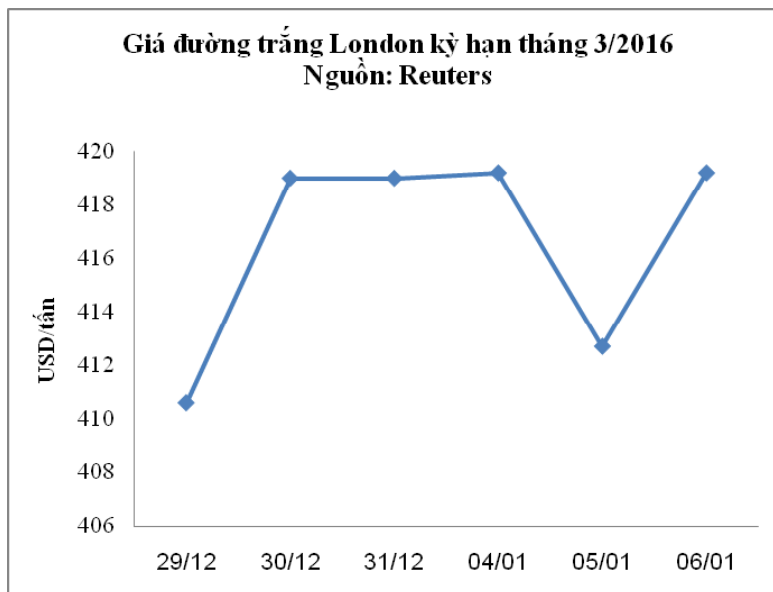
N.V.A

MÍA ĐƯỜNG



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động tăng nhẹ trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 3/2016 tăng 0,2 USD/tấn lên 419,2 USD/tấn. Giá đường tăng do khô hạn kéo dài trong 3 tháng qua tại Ấn Độ đe dọa sản lượng đường của nước này. Ấn Độ là quốc gia sản xuất đường lớn thứ 2 thế giới sau Brazil.

Theo dự đoán của 18 nhà phân tích và nhà kinh doanh đường mà *Bloomberg News* khảo sát, mặt hàng đường sẽ duy trì động lực tăng giá xuyên suốt quý I/2016. Trong khi nhu cầu mạnh mẽ của châu Á đang góp phần hỗ trợ giá đường, sự khôi phục của giá đường có thể chủ yếu nhờ vào một yếu tố, đó là hiện tượng El Nino. El Nino đã làm giảm hàm lượng đường trong cây mía trồng ở Brazil, nước xuất khẩu đường lớn nhất thế giới, đồng thời làm giảm sản lượng mía ở Ấn Độ và Thái Lan.



Công ty Guarani, công ty sản xuất đường lớn thứ ba của Brazil dự kiến ép 19,7 triệu tấn mía trong vụ mía 2015-2016, giảm so với mức 20,2 triệu tấn trong vụ mía trước. Sản lượng mía sụt giảm chủ yếu là vì mưa lớn bất thường làm giảm hàm lượng sucrose trong mía, khiến Guarani hoãn trồng sớm vụ mía mới và để mặc 400.000 tấn mía chưa thu hoạch.

Yếu tố cơ bản (về cung cầu) hỗ trợ giá đường duy trì ở các mức cao. Thị trường đã dự báo được sự thiếu hụt và nhu cầu đang tăng ở các nước đang phát triển. Theo công ty tư vấn và kinh doanh đường Czarnikow Group Ltd (Anh), sản lượng đường toàn cầu sẽ giảm 4,3%, xuống còn 178,9 triệu tấn trong vụ mía 2015-2016 (bắt đầu từ tháng 10-2015 đến tháng 9-2016 ở hầu hết các nước) trong khi đó nhu cầu đường sẽ cao hơn sản lượng đến 8,2 triệu tấn. Nguyên nhân là do sản lượng đường của Brazil có nguy cơ giảm do chịu ảnh hưởng của El Nino.

Hai tổ chức nghiên cứu thị trường Platts Kingsman SA và International Sugar Organization (Anh) cho rằng, tình trạng thiếu hụt đường có thể kéo dài sang vụ mía 2016-2017. Lần gần đây nhất thị trường đường trải qua hai năm thiếu hụt liên tiếp là vào năm 2010.



Theo dự báo của Công ty tư vấn và phân tích thị trường hàng hóa F.O. Licht GmbH, Đức, sản lượng đường ở Trung Quốc trong năm 2016 dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong một thập kỷ. Trong khi đó, Liên minh châu Âu (EU) sẽ ghi nhận sản lượng đường thấp nhất kể từ năm 1971, chỉ khoảng 13,6 triệu tấn trong vụ mùa này vì thời tiết khô hạn ở một số nước châu Âu cũng như diện tích trồng củ cải đường đang bị thu hẹp lại.

Một điều đáng chú ý là các nhà máy ở Brazil đang sử dụng mía để sản xuất ethanol (dùng để pha chế xăng sinh học) nhiều hơn là sản xuất đường khi nhu cầu trong nước về nhiên liệu sinh học này tăng mạnh. Khoảng 58% mía ở nước này được sử dụng để sản xuất ethanol và 42% mía dùng để ép đường. Điều này có thể càng khiến nguồn cung đường bị thắt chặt hơn và hỗ trợ cho giá đường.

Thị trường trong nước: Tuần qua, giá bán đường trắng loại I đã có thuế VAT tại kho nhà máy duy trì mức từ 13.500 đến 14.000 đ/kg.

Theo nhà máy đường Biên Hòa – Trị An, từ ngày 1-1-2016, nhà máy tăng giá thu mua mía với mức tăng 30.000 đ/tấn mía. Theo đó, giá mía 10 chữ đường thu mua trên xe tại ruộng cho nông dân là 920.000 đ/tấn, tương đương gần 1,2 triệu/tấn mía thu mua tại nhà máy. Dự kiến, từ sau Tết Nguyên đán 2016, để chia sẻ khó khăn với nông dân thu hoạch mía muộn hơn, nhà máy tiếp tục tăng thêm 20.000 đ/tấn mía thu mua tại ruộng.

Năm 2015, năng suất mía bình quân trồng trên địa bàn Đồng Nai đạt 60 tấn/hécta, tăng nhẹ so niên vụ trước, riêng diện tích mía trồng theo mô hình cánh đồng mẫu tại xã Trị An đạt năng suất từ 90-95 tấn/hécta. Niên vụ 2015-2016, nhà máy Biên Hòa – Trị An có thể đạt sản lượng chế biến từ 210-230 ngàn tấn mía, giảm nhẹ so với niên vụ trước do diện tích mía trên địa bàn tỉnh giảm hơn so với mọi năm.

Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam, niên vụ 2014 – 2015, cả nước sản xuất được hơn 1,4 triệu tấn đường từ mía, sụt giảm gần 11% so với niên vụ trước, do một phần bị giảm diện tích, phần khác do khô hạn. Trong niên vụ mới 2015 - 2016, có nơi tăng có nơi giảm diện tích nhưng tổng hợp lại tổng diện tích có giảm và vẫn bị khô hạn nên sản lượng dự báo cũng sẽ chỉ đạt như vụ trước.

Như vậy, với sản lượng đó thêm nguồn cung từ đường nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan hàng năm và đường của Hoàng Anh Gia Lai mà Chính phủ cho nhập, cộng thêm tồn kho từ đầu vụ thì tổng nguồn cung khoảng 1,8 triệu tấn. Với sản lượng này thì đường luôn dư thừa trong các năm gần đây. Ngoài ra, còn một nguồn đáng kể là đường nhập lậu có xuất xứ Thái Lan mà theo thông tin của Tổ chức Đường thế giới có thể ước khoảng 400.000 – 500.000 tấn/năm và có thể có thêm nguồn cung từ gian lận thương mại tham gia, góp phần gây khó khăn cho sản xuất trong nước. Với tình trạng trên, liên tục 4 năm qua, ngành mía đường phải đối mặt với tình trạng tiêu thụ đường khá khó khăn, giá đường giảm. Trong niên vụ 2014 – 2015, giá đường trắng loại 1 chỉ ở mức khoảng 11.000 – 13.000 đồng/kg. Bước sang vụ 2015 – 2016, lúc đầu vụ giá đường vẫn còn thấp. Tuy nhiên, hiện nay đã ở khoảng 13.000 – 14.000 đồng/kg, giá mía theo đó cũng tăng theo.

HẠT ĐIỀU



Thị trường thế giới: Tại thị trường nội địa Ấn Độ (Goa-Mangalore), thời điểm cuối năm 2015, giá điều nhân loại W320 chất lượng cao lên quanh mức 6.800 Rs/hộp (1 hộp = 11.430kg). Nhu cầu tiêu thụ cho lễ Giáng sinh và Năm mới đã thúc đẩy nhu cầu tăng lên, nhưng không có sự thay đổi trong nhu cầu đối với hạt điều tách vỏ và chẻ nhân. Thị trường toàn cầu đang trong kỳ nghỉ lễ và hình ảnh rõ ràng của thị trường chỉ có thể xuất hiện sau tuần thứ 2 của tháng Giêng.

Nguồn cung điều thô cao và sự xuất hiện của nhiều nhà chế biến mới đã giữ giá hạt điều toàn cầu ổn định trong phần lớn năm 2015. Giới thương nhân Ấn Độ cho rằng, thị trường điều sẽ hồi phục trong năm 2016. Nguồn cung hạt thô đã không phát triển như mong muốn, trong đó chỉ có Tây Phi sản xuất nhiều loại hạt hơn. Ấn Độ sản xuất 6-7 triệu tấn hạt điều thô mỗi năm và cho đến gần đây nước này đã trở thành nhà cung cấp hàng đầu về nhân hạt cho thị trường toàn cầu. Giá nguyên liệu đã ở mức quá cao, sự ra đời của các nhà máy chế biến mới ở châu Phi và Ấn Độ đã làm cho thị trường trở nên tồi tệ hơn đối với các nhà chế biến. Lực cầu khá tốt ở hầu hết các thị trường ngoại trừ Trung Quốc, nhưng sự chênh lệch về giá của các loại hạt thô và nhân hạt đã gây khó khăn cho thị trường. Trung bình, giá hạt điều thô trong năm 2015 cao hơn khoảng 25% so với năm 2014 nhưng hầu như không có sự thay đổi trong giá hạt nhân. Điều này đang gây áp lực lên mục tiêu lợi nhuận của các nhà chế biến.

Thị trường trong nước: Giá thu mua hạt điều thô tại Bình Phước trong tuần này giữ mức ổn định của tuần trước là 40.000 đ/kg.

Năm 2015, trong bối cảnh hầu hết các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam đều giảm kim ngạch xuất khẩu (XK) thì ngành điều vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng cao. Theo số liệu thống kê, khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 12 năm 2015 ước đạt 27 nghìn tấn với giá trị 202 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu năm 2015 đạt 328 nghìn tấn với 2,39 tỷ USD, tăng 8,3% về khối lượng và tăng 20,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Với kết quả này năm 2015, ngành điều Việt Nam sẽ đánh dấu mốc chiếm 50% tổng giá trị nhân điều XK của toàn cầu. Nhân điều là mặt hàng nông sản xuất khẩu đứng thứ 3 của Việt Nam, sau cà phê và gạo, chiếm 8% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành Nông nghiệp. Đây cũng là năm thứ 10 liên tiếp ngành điều Việt Nam giữ vị trí hàng đầu thế giới về xuất khẩu nhân điều.

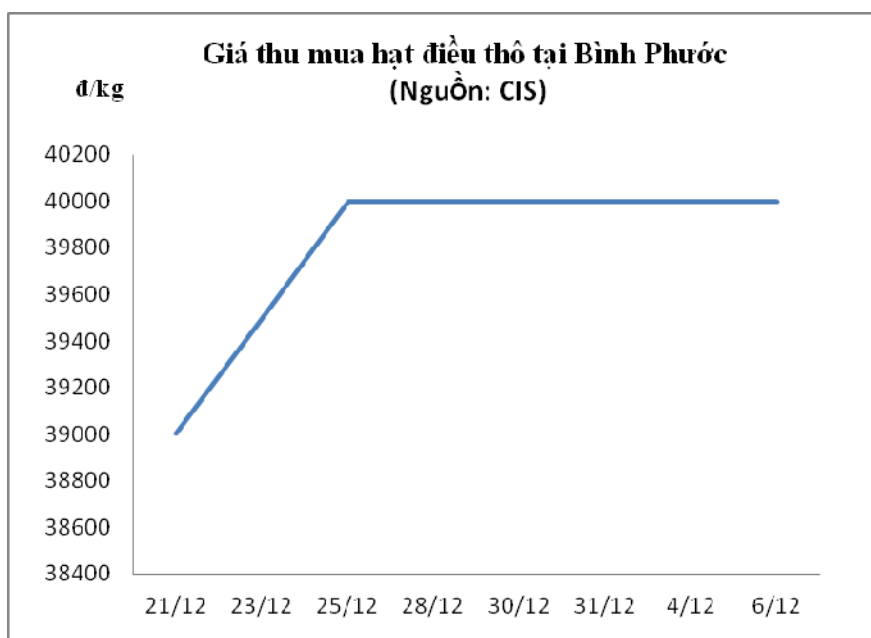
Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), mặc dù đạt được những bước tiến đáng kể trên thị trường điều quốc tế, nhưng ngành công nghiệp này vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn do phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Hiện nay, Việt Nam chế biến khoảng 1,3 triệu tấn hạt điều/năm. Tuy nhiên trong nước chỉ cung cấp được 500.000 tấn, số còn lại phải nhập khẩu, chủ yếu từ châu Phi và Campuchia.

Trong bối cảnh đó, việc đẩy mạnh tăng sản lượng điều trong nước là nhiệm vụ cấp thiết của năm 2016. Theo Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, hiện Việt Nam có hơn 300.000 ha điều, tập trung tại các tỉnh Bình Phước, Bà Rịa- Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Định, Đắk Lắk... Để đảm bảo cho ngành Điều phát triển bền vững, Chương trình thâm canh ghép cải tạo vườn điều do Vinacas khởi xướng và Bộ NN&PTNT quyết liệt chỉ đạo thực hiện rộng khắp đã và đang tạo bước tiến dài trong việc nâng cao năng suất, chất lượng hạt điều.

HẠT ĐIỀU



Đến thời điểm này, Vinacas đã triển khai tổng cộng 190 điểm trình diễn thuộc mô hình ghép cải tạo vườn điều. Các điểm trình diễn đều nâng cao năng suất thu hoạch điều lên 20-30% so với những năm trước. Dù vẫn duy trì ở mức 300.000 ha, nhưng với Chương trình cải tạo vườn điều sẽ đưa sản lượng thu hoạch lên 450.000 tấn vào năm 2020.



Tham khảo giá nhân điều XK từ Việt Nam cho thị trường Bắc Mỹ, EU, Úc

ĐVT: USD/Lb FOB, Tp. HCM

| Mặt hàng | W240 | W320 | W450/SW/LBW320 | DW | WS/WB | LWP |
|----------|----------|---------|----------------|----------|----------|----------|
| Đơn giá | 3,7-3,75 | 3,5-3,6 | 3,3-3,35 | 3,2-3,25 | 3,25-3,3 | 3,15-3,2 |

(Nguồn: Vinacas)

N.V.A

HẠT TIÊU



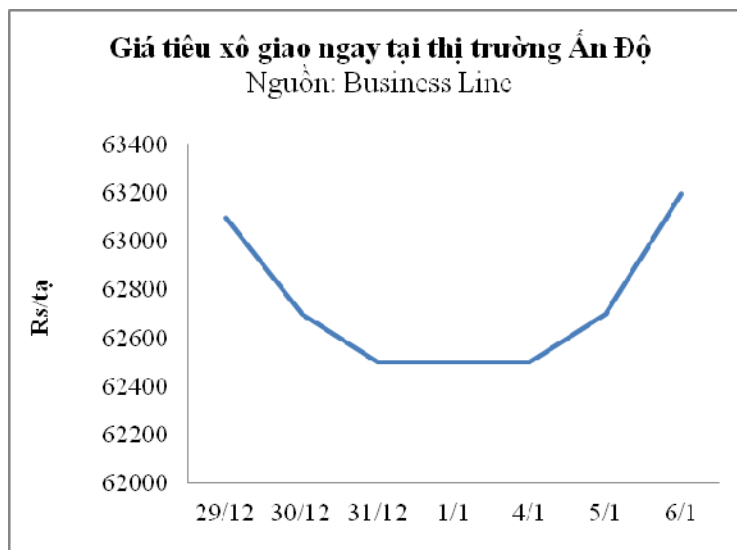
Thị trường thế giới: Tại thị trường Ấn Độ, giá tiêu đầu tuần này vẫn tiếp tục đà sụt giảm của hai tuần trước do áp lực bán hàng vụ mới. Độ ẩm cao và dung trọng thấp của tiêu mới đã đẩy giá tiếp tục giảm. Nhu cầu đối với tiêu dung trọng cao lớn nhưng không có hàng bán ra. Giá tiêu mới được giao dịch ở mức 620-630 Rs/kg tùy thuộc vào chất lượng và vùng sản xuất. Tuy nhiên, trong hai phiên giao dịch cuối tuần ngày 5 và 6/1, giá đã quay đầu tăng mạnh trở lại do nguồn cung thắt chặt. Sau thời gian đầu thu hái, người trồng dường như nhận thấy rằng tiêu của vụ mới vẫn còn nhỏ và do đó họ đã giữ lại chờ cho hạt tiếp tục phát triển. Kết quả là, chỉ có 7 tấn tiêu được bán ra trên thị trường hôm 6/1 với giá giao dịch ở mức 630-635 Rs/kg. Giá giao ngay tăng vọt lên 63.200 Rs/tạ đối với tiêu xô và 66.200 Rs/tạ đối với tiêu chọn so với hai ngày trước đó. Trên sàn giao dịch của Hiệp hội Gia vị IPSTA, các hợp đồng kỳ hạn tháng Giêng, tháng Hai và tháng Ba lần lượt ở mức 67.000 Rs/tạ, 60.500 Rs/tạ và 58.000 Rs/tạ. Giá tiêu xuất khẩu của Ấn Độ hiện ở mức 10.150 USD/tấn (c&f) giao châu Âu và 10.400 USD/tấn (c&f) đi Mỹ, giảm 150 USD/tấn so với cuối tuần trước.

Ở các thị trường quốc tế, Việt Nam cung cấp tiêu V Asta ở mức 8.375 USD/tấn; tiêu 550 GL ở mức 8.050 USD/tấn và tiêu 500 GL ở mức 7.800 USD/tấn. Indonesia cung cấp tiêu L Asta ở mức 8.500 USD/tấn, trong khi Brazil chào bán tiêu B Asta ở mức 8.375 USD/tấn.

Năm 2015 là một năm thuận lợi đối với những người trồng tiêu ở Ấn Độ. Giá hạt tiêu duy trì ở mức trên 600 Rs/kg và đôi lúc còn leo lên mức 700Rs/kg. Bất chấp các báo cáo về một mùa vụ bội thu chủ yếu ở Karnataka trong năm 2015 và sự phát hành của hàng ngàn tấn tiêu đã được giữ tại kho trong hơn hai năm, giá vẫn ở mức tương đối cao trong năm.

Nhu cầu trong nước mạnh mẽ tại một thời điểm khi giá đã thấp hơn ở các thị trường quốc tế có thể là lý do giúp cho giá tại thị trường Ấn Độ vẫn tốt. Yếu tố tiền tệ đã làm cho nhập khẩu hạt tiêu từ các nguồn gốc khác kém hấp dẫn mặc dù nguồn cung tiêu ở mức thấp hơn. Hiện tượng này cũng hỗ trợ cho giá trong nước vững chắc hơn.

Ban Gia vị Ấn Độ dự báo tiêu thụ tiêu nội địa trong năm 2016 ở mức 49.000 tấn.



HẠT TIÊU

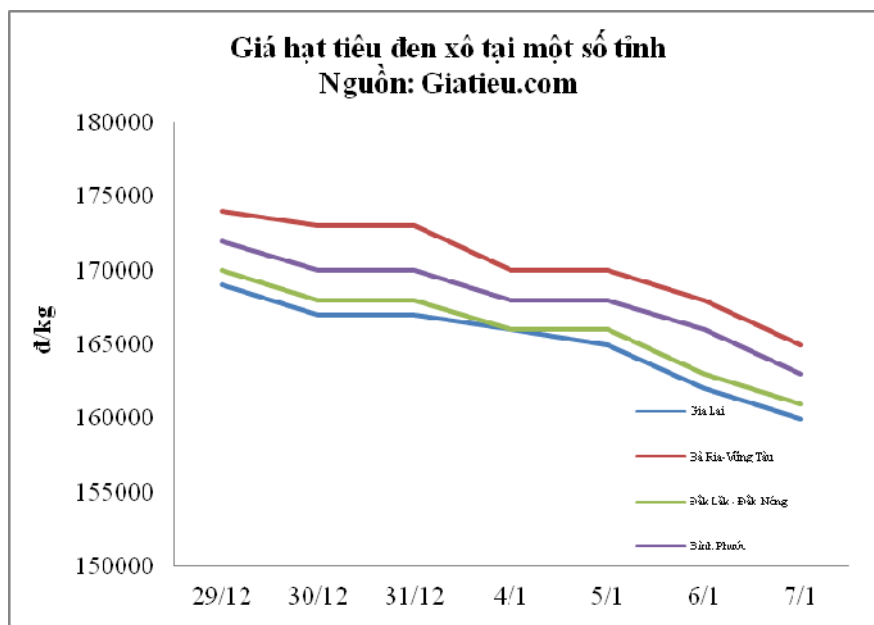


Thị trường trong nước: Giá thu mua tiêu đen xô nội địa tiếp tục giảm sâu trong tuần đầu năm mới 2016. Cụ thể, ngày 07/1 giá thu mua tiêu tại các tỉnh trồng tiêu trọng điểm Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Bình Phước lần lượt ở mức 160.000 đ/kg, 165.000 đ/kg, 161.000 đ/kg, 163.000 đ/kg, trung bình giảm 9.000đ/kg so với tuần trước.

Sản xuất hồ tiêu xuất khẩu đang là ngành hàng mang lại lợi nhuận cao nhất trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam, tuy nhiên, nhiều chuyên gia cảnh báo nếu nông dân ồ ạt chuyển sang trồng tiêu không theo quy hoạch sẽ rất dễ rơi vào cảnh cung vượt cầu khi thị trường thế giới bão hòa, rớt giá.

Trong 5 năm gần đây, giá hồ tiêu trên thị trường thế giới liên tục tăng, cụ thể như giá xuất khẩu trung bình năm 2011 là 5.637 USD/tấn, năm 2014 là 7.744 USD/tấn; 11 tháng năm 2015 ở mức 9.335 USD/tấn.

Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam cho biết do giá liên tục tăng từ đầu năm 2015, hầu hết các hộ dân trồng tiêu đều giữ hàng sau khi thu hoạch, không bán ngay cho các thương lái và doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu tình trạng này tiếp diễn trong năm 2016 thì giá tiêu có nguy cơ xuống thấp. Không những vậy, sản lượng tiêu trong năm 2016 thu hoạch được cũng sẽ khó tiêu thụ.



N.V.A

CAO SU

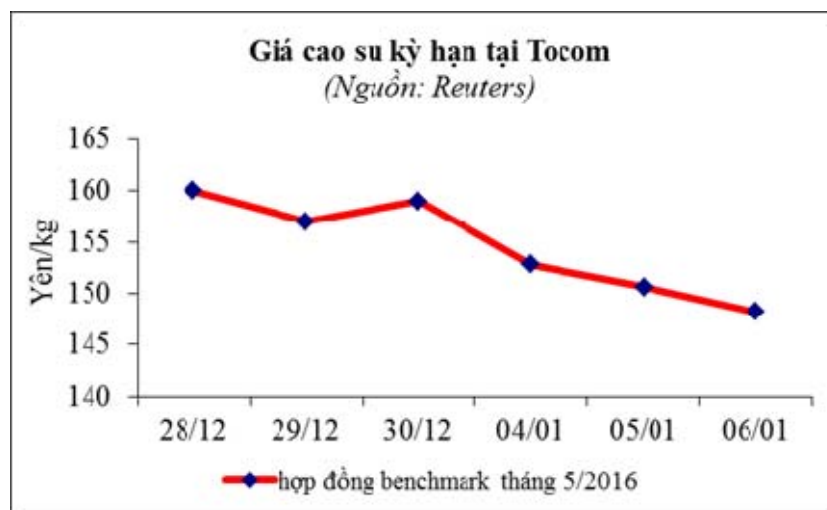


Thị trường thế giới: Đồng Yên tăng mạnh và triển vọng nhu cầu tiêu thụ cao su của Trung Quốc – nhà tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới - chưa có dấu hiệu khởi sắc trong năm 2016 đã khiến thị trường cao su kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo (Tocom) tuần qua tiếp tục đi xuống. Hoạt động của các nhà máy Trung Quốc giảm trong tháng 12/2015 (tháng thứ 10 liên tiếp) do ngành công nghiệp gặp khó khăn khi nhu cầu suy yếu, thậm chí các chính sách đang tìm cách gia tăng các bước kích thích kinh tế mới. Kết thúc phiên giao dịch 6/1, giá cao su hợp đồng benchmark tháng 6/2016 chạm mức thấp trong gần 7 năm, chỉ đạt 148,2 Yên/kg, giảm 2,4 Yên so với hôm trước, và giảm 4,6 Yên so với phiên đầu tiên của năm mới (4/1).

Tại Thái Lan, giá cao su giảm xuống mức thấp nhất trong 6 năm đang đẩy nông dân trồng cao su ở nước xuất khẩu cao su lớn nhất thế giới rơi vào cảnh điêu đứng vì thua lỗ. Hiện, giá cao su tằm đã giảm xuống còn 37 baht/kg từ mức trung bình 56 baht/kg năm 2014, trong khi chi phí trung bình để sản xuất cao su là 65 baht/kg.

Nhu cầu toàn cầu đối với cao su thiên nhiên, được sử dụng chủ yếu để sản xuất lốp xe, đang chậm lại khi tăng trưởng kinh tế giảm tốc ở Trung Quốc, nước tiêu thụ xe ô tô lớn nhất thế giới. Trong khi đó, nguồn cung lại gia tăng do đã tăng giá kéo dài cả thập kỷ đẩy giá cao su lên mức kỷ lục vào năm 2011 đã khuyến khích các nước sản xuất cao su hàng đầu như Thái Lan, In-đô-nê-xia và Việt Nam mở rộng diện tích cây cao su.

Theo Công ty tư vấn và Nghiên cứu Thị trường Cao su Rubber Economist của Anh, sản lượng cao su có thể tiếp tục vượt nhu cầu thêm hai năm nữa và dư thừa cao su sẽ tăng gấp 4 lần trong năm 2016 so với năm 2015. Theo đó, sản lượng cao su toàn cầu năm 2016 dự báo tăng 3,8% lên mức 13 triệu tấn và sẽ tiếp tục tăng cho đến năm 2018. Nguồn cung cao su thiên nhiên sẽ



vượt nhu cầu khoảng 411.000 tấn trong năm 2016 và 430.000 tấn vào năm 2017; đây là mức dư thừa khá lớn nếu so với dư thừa 98.000 tấn trong năm 2015. Tiêu thụ cao su tăng chậm sẽ khiến tồn kho cao su lên mức kỷ lục 3,7 triệu tấn vào cuối năm 2017.

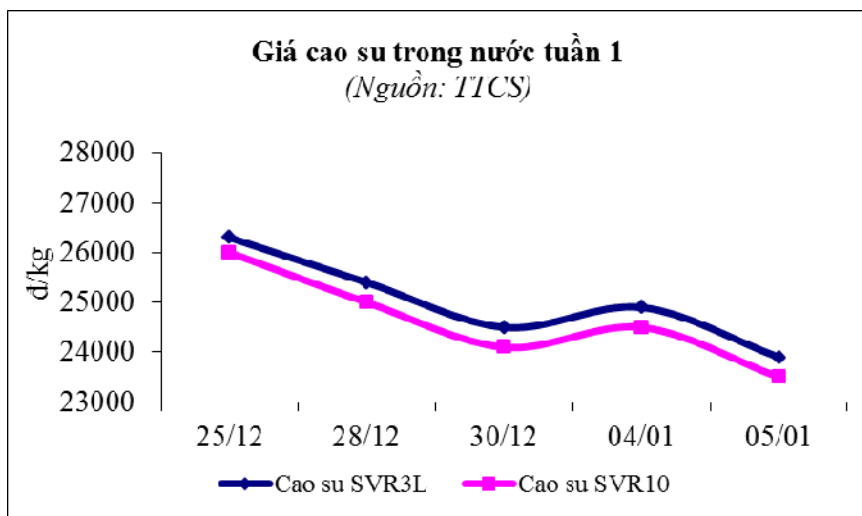
Tổ chức Nghiên cứu Cao su Quốc tế (IRSG) nhận định, tình trạng cung dư thừa có thể khiến giá cao su suy yếu trong 10 năm nữa. Mặc dù một số nông trường nhỏ đang cắt giảm diện tích trồng cao su nhưng diện tích trồng cao su ở 11 nước xuất khẩu cao su của Hiệp hội Các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) đã tăng 45% so với thời điểm năm 2004.



Thị trường trong nước: Giá mủ cao su tại Bình Phước ổn định ở mức thấp trong những ngày đầu năm mới. Mủ cao su tạp 32 độ/kg vẫn giữ ở mức 5.760 đ/kg. Trong khi đó, giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tiếp tục giảm sâu trong tuần qua. Cụ thể: cao su SVR 3L giảm từ 24.500 đ/kg (30/12) xuống còn 23.900 đ/kg (5/1); cao su SVR10 giảm từ 24.100 đ/kg xuống còn 23.500 đ/kg.

Kết thúc tuần từ 28/12/2015 – 01/01/2016, giá SVR 3L Việt Nam xuất khẩu chào bán ngày 31/12 đạt 1.270 USD/tấn, tăng 40 USD/tấn (+3,3%) so với ngày đầu tuần và ngày cuối tuần trước đó (25/12). Kết thúc tháng 12/2015, giá SVR 3L của Việt Nam xuất khẩu chào bán đạt trung bình 1.235 USD/tấn, giảm 12 USD/tấn (-1,0%) so với mức trung bình trong tháng 11/2015, và giảm 314 USD/tấn (-20,3%) so với tháng 12/2014.

Năm 2015, cửa khẩu quốc tế Móng Cái đạt kết quả khả quan về kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều Việt Nam – Trung Quốc, với tổng kim ngạch đạt 5,2 tỷ USD. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam năm 2015 có một số biến động đáng kể, điển hình là mặt hàng cao su thiên nhiên xuất khẩu giảm mạnh, chỉ bằng 40% so với năm 2014. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy, hải sản lại tăng mạnh cả về lượng lẫn trị giá, sản lượng và chủng loại mặt hàng. Xuất khẩu nông sản, với các mặt hàng chủ lực là gạo, sắn (tinh bột và lát khô), nhân điều, các loại đậu đỗ, vừng, lạc cũng tăng trưởng khá. Đồ gỗ, nhất là đồ mỹ nghệ của các làng nghề nổi tiếng và đồ gỗ trang trí nội thất vẫn tiếp tục phát huy vị trí mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch cao.

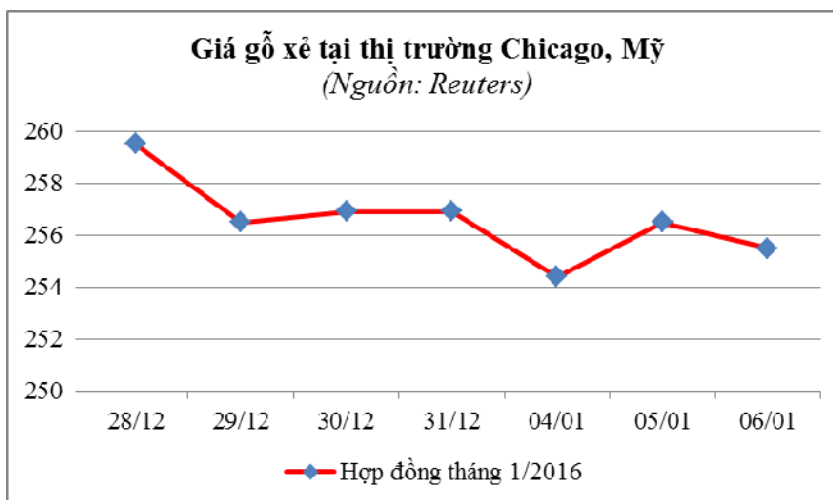


GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường thế giới: Trong các phiên giao dịch đầu năm mới, giá gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) biến động giảm trong phiên 4/1, sau đó tăng trở lại. Cụ thể, giá gỗ xẻ hợp đồng tháng 1/2016 cuối phiên 4/1 đạt 254,4 USD/tbf, giảm 2,5 USD so với phiên trước (3/1), sau đó tăng lên 255,5 USD/tbf cuối phiên 6/1.

Hàn Quốc giảm thuế nhập khẩu là động lực thúc đẩy các nhà sản xuất gỗ dán Ma-lai-xia. Kim ngạch xuất khẩu gỗ dán từ Sarawak sang Hàn Quốc tăng lên đáng kể sau khi Hàn Quốc giảm thuế chống bán phá giá từ 6,43% xuống chỉ còn 3,08%. Công ty Jaya Tiasa đã tăng được 11% doanh số bán hàng sang Hàn Quốc, đây cũng là thị trường chính của công ty này trong năm 2015.



Ủy ban Thương mại Hàn Quốc (KTC) áp thuế chống bán phá giá từ 5,12% đến 38,1% đối với gỗ dán của Ma-lai-xia trong vòng 3 năm kể từ tháng 2/2011.

Thị trường trong nước: Năm 2015 là một năm thành công đối với ngành gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu gần đạt kế hoạch đề ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực không đạt kế hoạch đề ra. Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sẽ được cải thiện trong năm 2016 do trong các tháng gần đây, xuất khẩu sang thị trường Mỹ vẫn được đà tăng trưởng cao và xuất khẩu sang các thị trường khác như Trung Quốc, Nhật Bản, EU khả quan. Năm 2016, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và tiềm ẩn rủi ro, song kinh tế tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được dự báo phục hồi vững chắc. Đây sẽ là yếu tố hỗ trợ cầu đối với thị trường nội thất. Dự báo, tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 8-10% so với năm 2015 và kim ngạch đạt khoảng 7,2 – 7,3 tỷ USD.

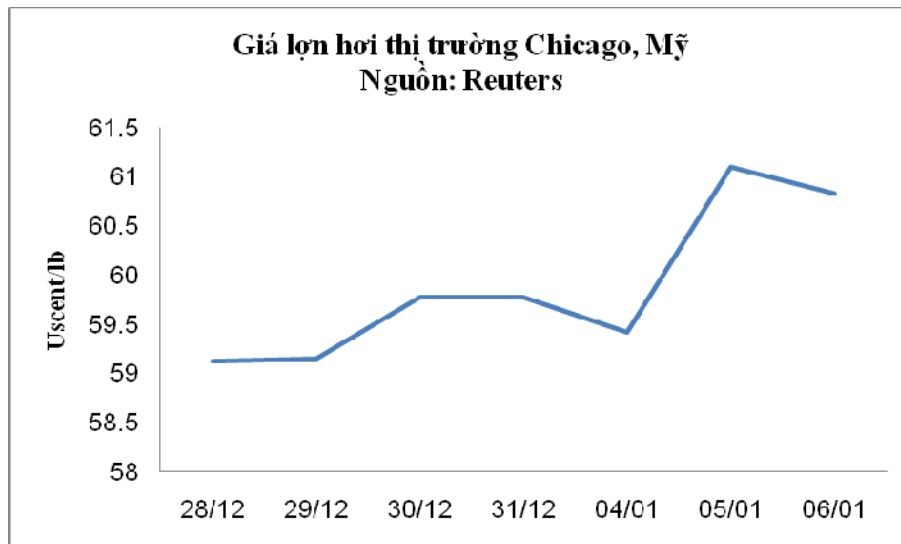
Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tuần từ 22/12 đến 29/12/2015 đạt 165,8 triệu USD, giảm 2% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ chiếm tới 62,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần. Các thị trường xuất khẩu chính trong tuần gồm: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc,...

N.L.A

THỊT



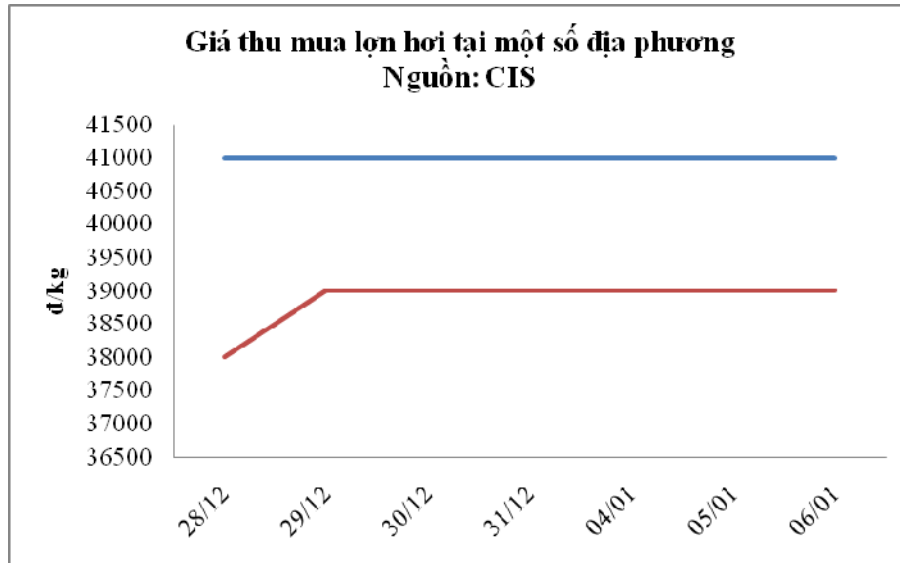
Thị trường thế giới: Giá lợn hơi tại thị trường Chicago, Mỹ biến động tăng trong tuần qua với mức tăng 1,05 UScent/lb lên 60,825 UScent/lb. Giá lợn hơi tăng do nguồn cung thắt chặt trong khi nhu cầu thịt lợn tăng cao. Các vật nuôi như lợn thường tăng trọng chậm hơn trong những tháng mùa đông, từ đó dẫn đến sản lượng lợn xuất chuồng giảm.



Giá thịt bò bán buôn của Mỹ tuần qua cũng tăng 4,25 USD/tấn lên 222,31 USD/tấn. Giá thịt bò giao tháng 2/2016 tăng 0,15 UScent/lb lên 167,775 UScent/lb. Thời tiết khắc nghiệt vào mùa đông tiếp tục làm giảm lượng bò được giết mổ, từ đó hạn chế nguồn cung thịt bò ra thị trường. Một số nhà đầu tư cảnh báo rằng giá thịt bò tăng cao như vậy có thể làm giảm tính cạnh tranh của thịt bò so với thịt lợn và thịt gia cầm.

Thị trường trong nước: Tuần qua, giá lợn hơi khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long giữ mức ổn định lần lượt là 46.000 đ/kg và 45.500 đ/kg. Thường vào mùa cao điểm chế biến thực phẩm cung cấp cho thị trường tết, nhu cầu tiêu thụ thịt lợn tăng sẽ đẩy giá lợn hơi lên cao. Tuy nhiên, thời gian qua giá lợn hơi vẫn giữ ổn định ở mức từ 45.000 - 46.000 đ/kg, giảm 5.000 đ/kg so với cùng kỳ năm ngoái. Với nguồn cung dồi dào do nông dân tăng đàn mạnh, dự kiến giá lợn hơi cung cấp cho thị trường Tết Nguyên đán 2016 sẽ khó biến động mạnh.

THỊT



Giá thu mua gà công nghiệp tại trại khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long tuần qua tăng với mức tăng 4.000 đ/kg lên mức 23.000 – 24.000 đ/kg. Giá thu mua gà thịt lông màu tại trại ở hai khu vực này cũng tăng 1.000 – 2.000 đ/kg lên 40.000 đ/kg. Giá gà nhích tăng trong tuần qua do nhu cầu thị trường khởi sắc trong bối cảnh Tết Nguyên đán đã cận kề.

HNN



Thị trường thế giới: Giá giao ngay cho cá hồi nuôi cho các đơn đặt hàng trong năm 2016 của Na Uy đang bắt đầu đạt mức cao đáng chú ý - mức giá chưa từng thấy kể từ năm 1987. Giá tăng tuần thứ tư liên tiếp hôm 30/12/2015. Cá hồi cỡ 3-4 kg được bán ở mức 57 NOK mỗi kg, giao hàng tới miền Nam Na Uy, trong khi cá cỡ 4-5 kg và 5-6 kg được bán ở mức 58 NOK/kg và 59-60 NOK/kg. Với cá cỡ trên 6 kg giá lên tới 64 NOK/kg. Mức giá này chỉ đạt được vào giữa năm 1987. Chỉ số hàng tháng của Fish Pool cho thấy giá cá hồi nuôi Na Uy đạt trung bình 51,64 NOK/kg trong tháng 12/2015 - mức cao nhất kể từ năm 2006. Tuy nhiên, mức giá cao này phải được xem xét trong bối cảnh đồng krone Na Uy liên tục suy yếu - một NOK trị giá 0,1078 EUR vào cuối năm 2015, giảm 12% so với 0,1225 EUR vào đầu tháng 5/2014. So với đồng USD, đồng NOK đã giảm gần một phần ba (31%) từ 0,1683 đến 0,1157. Giá cá hồi trong tuần cuối năm 2015 bị đẩy lên do nguồn cung thắt chặt, các nhà máy chế biến vẫn đóng cửa nghỉ lễ, trong khi người mua đặt hàng cho tuần đầu tiên của tháng đầu năm mới. Trong khi đó, nhu cầu từ châu Á đối với cá hồi Na Uy vận chuyển bằng đường hàng không cũng đang rất mạnh. Số liệu do Hội đồng Thủy sản Na Uy và Cơ quan Thống kê Na Uy cho thấy sáu nước bao gồm Đài Loan, Bồ Đào Nha, Bahrain, Philippines, Qatar và Lebanon đã trả trung bình hơn 60 NOK/kg (FOB Na Uy) cho cá hồi từ Na Uy trong tuần 52/2015. Mặt khác, bốn quốc gia trong đó có Ba Lan trả ít hơn 50 NOK/kg, đây là giá xuất khẩu bình quân xuống 53,30 NOK/kg cho tuần 52.

Giá cá ngừ vẫn đang tiếp tục giảm. Sau khi giảm xuống mức 1.000 USD/tấn cho giao tháng 12/2015, mức giao cho tháng 1/2016 có thể sẽ là 950 USD/tấn. Được biết, mức giá 950 USD/tấn đã được thiết lập để bán cho các nhà chế biến ở Thái Lan. Nguồn tin châu Á cho biết khả năng mức giá này sẽ duy trì cho đến cuối tháng Giêng, sau đó sẽ đi lên từ từ. Trước sự suy giảm của giá cá ngừ, nhiều tàu thuyền đã phải ngừng ra khơi và số lượng tàu tuyến hoạt động cho năm 2016 khả năng sẽ giảm.

Cùng với xu thế chung của các mặt hàng thức ăn chăn nuôi khác, giá bột cá thế giới trong năm 2015 cũng giảm mạnh, với mức giảm từ 22-48% so với năm 2014. Cụ thể, giá bột cá 64% protein tại Pê-ru tại thời điểm cuối năm 2015 ở mức 1.550 USD/tấn, FOB, Pê-ru, giảm 200 USD/tấn so với tháng trước đó và giảm tới 750 USD/tấn (48,4%) so với năm 2014. Đây là thị trường có mức giá bột cá giảm mạnh nhất so với năm 2014 do Trung Quốc giảm nhập khẩu. Tương tự, giá bột cá 65% protein tại Chi-lê kết thúc năm 2015 có giá 1.650 USD/tấn, giảm 200 USD/tấn so với tháng trước đó và giảm 700 USD/tấn (42,4%) so với năm 2014. Đây là thị trường cung cấp bột cá có giá cao nhất. Giá bột cá tại Đan Mạch có mức giá cạnh tranh hơn so với các thị trường EU và Nam Mỹ với giá bột cá 64% protein ở mức 1.465 USD/tấn, giảm 40 USD/tấn so với tháng 11/2015 và giảm 315 USD/tấn (21,5%) so với tháng 12/2014. Theo USDA, sản lượng bột cá toàn cầu niên vụ 2015/16 dự báo đạt 4,25 triệu tấn, giảm nhẹ so với mức 4,29 triệu tấn của niên vụ trước. Giá bột cá trong quý I/2016 sẽ tiếp tục giảm do Pê-ru đang vào vụ đánh bắt cá, nguồn cung bột cá sẽ tăng khá.

THỦY SẢN



Tham khảo giá một số mặt hàng thủy sản tại thị trường New York - Mỹ, tuần đến ngày 31/12/2015, USD/pao (1 pao ~ 453 g); nguồn: Aquafind.com

| Cá nục heo Peru | | | | | |
|---------------------------------------|---------------|--------------|----------------------------------|---------|--------------|
| File, còn da | | | Cắt miếng | | |
| 3 - 5 pao | 3,55 | | 4 oz | | 4,50 |
| Bạch tuộc Tây Ban Nha | | | | | |
| 2 - 4 pao | 3,00 | | 6 -8 pao | | 4,00 |
| Cá vược Chile | | | | | |
| File, còn da | | | Cắt miếng | | |
| 4 - 6 kg | 13,95 | | 6 oz | | 18,00 |
| 8 - 10 kg | 14,10 (+0,15) | | 10 oz | | 18,25 |
| Cá rô phi Trung Quốc (File) | | | | | |
| 3 - 5 pao | 1,95 | | 7 - 9 pao | | 2,35 (-0,05) |
| 5 - 7 pao | 2,10 | | 9 -11 pao | | 2,75 |
| Vẹm New Zealand | | | | | |
| Cỡ trung bình | | | | | 2,80 |
| Mực ống Trung Quốc | | | | | |
| 3-5 inch | | | | | 1,55 |
| 5-8 inch | | | | | 2,40 |
| Tôm vỏ bỏ đầu (HLSO) đông lạnh | | | | | |
| Xuất xứ | Kích cỡ | Giá | Xuất xứ | Kích cỡ | Giá |
| Tôm sú Ấn Độ | 16/20 | 6,10 (+0,1) | Tôm thẻ chân trắng nuôi Ấn Độ | 16/20 | 5,75 (+0,3) |
| | 21/25 | 5,30 (+0,25) | | 21/25 | 5,10 (+0,5) |
| | 26/30 | 4,85 (+0,05) | | 26/30 | 4,60 (+0,3) |
| Tôm sú Việt Nam | U - 15 | 8,0 | Tôm thẻ chân trắng nuôi Ecuador | 41/50 | 3,80 |
| | 21/25 | 5,00 | | 51/60 | 3,75 |
| Tôm thẻ chân trắng nuôi Indonesia | 16/20 | 5,75 (+0,25) | Tôm thẻ chân trắng nuôi Thái Lan | 21/25 | 5,10 (0,5) |
| | 21/25 | 5,10 (+0,55) | | 26/30 | 4,60 (+0,25) |
| | 26/30 | 4,60 (+0,2) | | 31/35 | 3,95 |
| Tôm sú Indonesia | 21/25 | 4,95 | Tôm sú Thái Lan | 21/25 | 4,95 |
| | 26/30 | 4,85 | | 26/30 | 4,85 |

Thị trường trong nước: Tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, thị trường cá tra nguyên liệu tuần này tiếp tục giữ ổn định so với cách đây hai tuần. Cụ thể, tại Cần Thơ, giá thu mua cá tra nguyên liệu trong size 600-900 g/con tuần này giữ ở mức 19.800-20.000 đồng/kg (trả chậm). Tại An Giang là 17.500-19.000 đ/kg.



Trong tuần qua, tại Sóc Trăng, giá tôm sú nguyên liệu ổn định trong khi tôm thẻ chân trắng tiếp tục tăng giá. Cụ thể, tôm thẻ chân trắng cỡ 40, 50, 60 và 80 con/kg giữ lần lượt ở mức 150.000 đ/kg, 138.000 đ/kg, 130.000 đ/kg, 117.000 đ/kg; tôm cỡ 70, 90 và 100 con/kg tăng 2.000-3.000 đ/kg lên lần lượt mức 125.000 đ/kg (+3.000 đ/kg), 107.000 đ/kg (+ 2.000 đ/kg) và 103.000 đ/kg (+3.000 đ/kg). Giá tôm sú nguyên liệu các cỡ 20, 30 và 40 con/kg ổn định lần lượt ở mức 230.000 đ/kg, 150.000 đ/kg, 110.000 đ/kg.

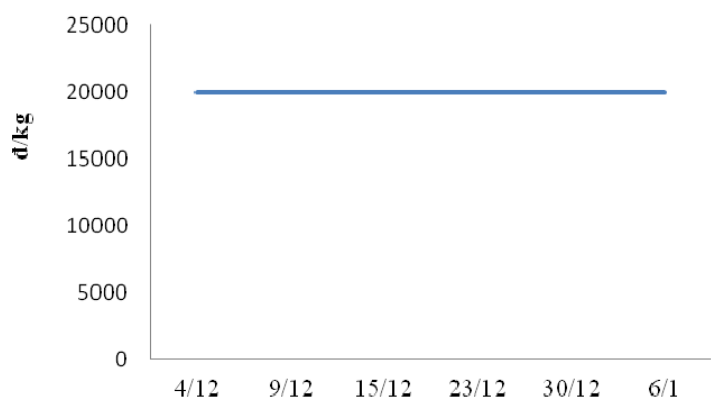
Tại Cà Mau, giá mặt hàng tôm sú và tôm thẻ chân trắng nguyên liệu ổn định. Tôm sú cỡ 20, 30 và 40 con/kg giữ lần lượt ở mức 260.000 đồng/kg, 190.000 đồng/kg và 140.000 đồng/kg. Tôm thẻ chân trắng cỡ 70 con/kg và 100 con/kg giữ ở mức 158.000 đồng/kg và 100.000 đ/kg. Trong khi đó, giá tôm nguyên liệu tiêu thụ nội địa tăng mạnh do người mua chuẩn bị hàng phục vụ Tết. Cụ thể, giá tôm

đất và tôm bạc tăng lần lượt từ 80.000 đ/kg và 60.000đ/kg tuần trước lên 100.000 đ/kg và 80.000 đ/kg, tương ứng. Từ nay đến Tết Nguyên đán, giá tôm nội địa sẽ còn tiếp tục tăng nữa.

Nông dân tỉnh Trà Vinh đang vào vụ thu hoạch rộ tôm càng xanh nuôi ở vùng nước ngọt và nước lợ. Điều phần khởi là tất cả hộ nuôi đều được mùa, được giá, với mức thu nhập bình quân từ 80-90 triệu đồng/ha. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Trà Vinh, đây là năm thứ 4 liên tiếp, nông dân trong tỉnh Trà Vinh thực hiện có hiệu quả mô hình nuôi tôm càng xanh kết hợp trồng lúa, nuôi tôm càng xanh trong đầm trồng ấu và nuôi tôm càng xanh vào mùa mưa trong ao nuôi tôm sú. Bình quân, các mô hình nuôi tôm càng xanh kết hợp được nông dân bố trí 1ha mặt nước thả nuôi khoảng 2.000 con giống tôm càng xanh, sau 7-8 tháng nuôi cho thu hoạch 500-600 kg/ha. Sau hơn 7 tháng nuôi, tôm thương phẩm được bán với giá tôm xô 170.000 – 180.000 đ/kg.

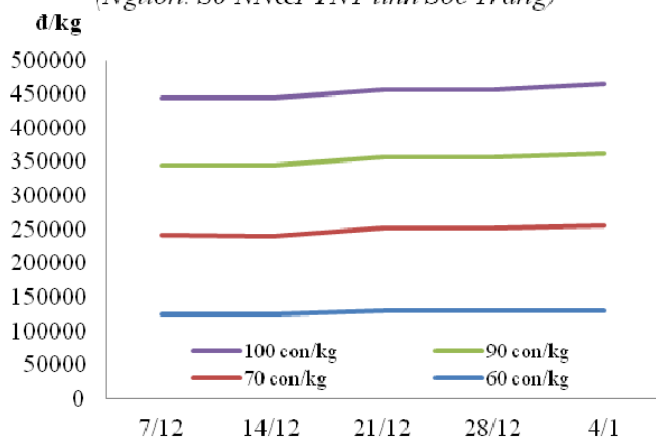
Giá cá tra thịt trắng nguyên liệu tại Cần Thơ

(Nguồn: Agromonitor)



Giá tôm thẻ chân trắng tại Sóc Trăng

(Nguồn: Sở NN&PTNT tỉnh Sóc Trăng)



RAU QUẢ



Thị trường trong nước: Tại tỉnh Bến Tre, hiện nay, giá dưa hấu được thương lái mua tại ruộng chỉ còn từ 2.600 - 3.000 đ/kg khiến hàng trăm hộ thu hoạch dưa hấu sớm tại Bến Tre không có lãi, trong khi Tết đang cận kề. Đối với dưa hấu loại 2, loại 3 chỉ từ 1.200 - 1.600 đ/kg và rất khó bán. Với mức giá này nếu ruộng dưa nào đạt năng suất từ 25 tấn/ha trở lên thì nông dân có thu hồi được chi phí đầu tư hoặc lấy công làm lời. Đây là vụ dưa hấu tết thứ hai liên tiếp có giá thấp hơn 3.000 đ/kg, làm cho đời sống của hàng trăm hộ dân vùng ven biển của tỉnh Bến Tre gặp nhiều khó khăn vì không còn vốn tái sản xuất và trả nợ tiền vật tư.

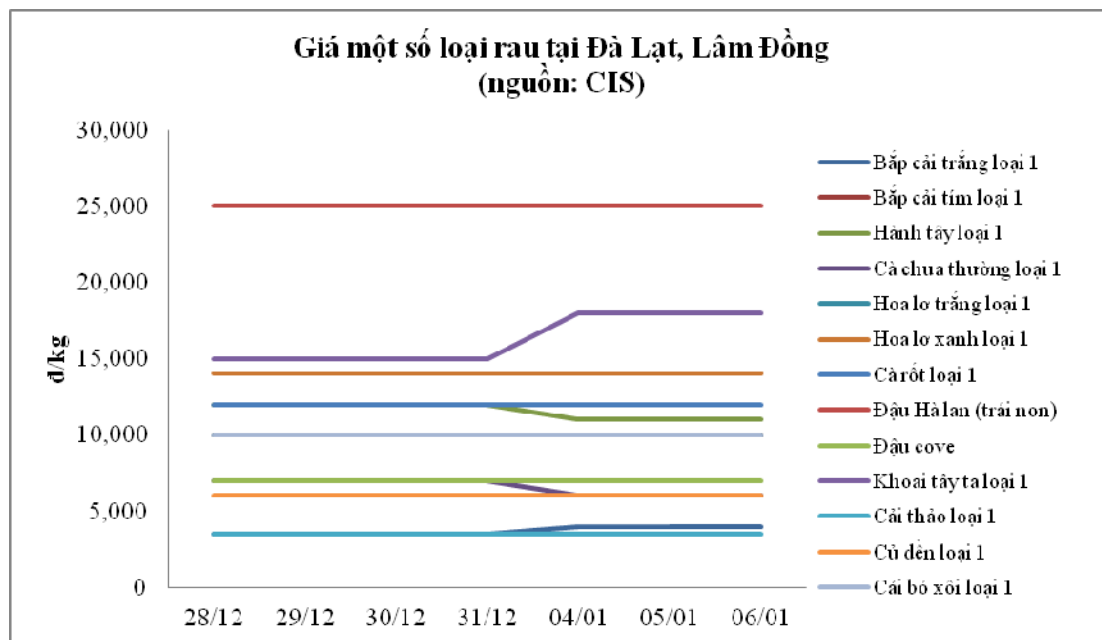
Thời tiết thất thường và nạn ruồi vàng vừa qua khiến người trồng bưởi Diễn rầu rĩ. Số và chất lượng quả giảm mạnh, quá trình thu mua cũng diễn ra chậm hơn so với mọi năm. Do yếu tố thời tiết nên một số quả bị khô, nhạt, ung. Tuy nhiên những người trồng bưởi luôn loại bỏ những quả kém chất lượng này để không làm ảnh hưởng đến thương hiệu bưởi Diễn đã được xây dựng từ lâu. Theo chia sẻ của các chủ vườn, hàng bán tương đối chậm, và chất lượng không được như mọi năm nhưng giá bưởi không hề giảm, thậm chí còn tăng so với các năm trước. Nếu như năm ngoái giá bưởi dao động từ 65.000 đ/quả thì năm nay dự kiến lên khoảng 75.000 - 80.000 đ/quả.

Đồng thời, thị trường bưởi tại một số tỉnh ĐBSCL cũng đang “sốt” do lo ngại nguồn cung hạn chế trong dịp Tết bởi ảnh hưởng bất lợi của thời tiết nên năng suất trái cây nhiều nơi bị ảnh hưởng. Hiện giá bưởi đường lá cam bán lẻ ra thị trường đã lên đến cả triệu đồng/chục; bưởi da xanh ruột hồng có mức 55.000 đ/kg, tăng từ 10.000-15.000 đ/kg so cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên với việc chủ động chuẩn bị nguồn hàng của các thương lái, doanh nghiệp, siêu thị, thị trường Tết Nguyên đán 2016 vẫn dồi dào nguồn hàng phục vụ khách mua.



Tại Lâm Đồng, thị trường rau trong tuần qua không có nhiều biến động ngoại trừ một số mặt hàng như khoai tây tăng 2000đ/kg so với tuần trước trong khi đó giá mặt hàng cà chua và hành tây lại giảm 1000đ/kg. Tuy nhiên, tại thị trường Hà Nội vào những ngày cuối tuần trước, thời tiết rét đậm kéo dài kèm theo hiện tượng sương muối khiến giá rau xanh tăng nhiều loại rau, củ tăng. Đơn cử, bông súp lơ có giá tăng từ 10.000 đ/bông lên 13.000 đồng/bông; tăng 4.000 đồng/kg, rau cải xoong có giá tăng từ 8.000 - 10.000 đ/mớ; đậu quả tăng 5.000 đ/kg và có giá bán là 15.000 đ/kg; củ xu hào cũng tăng từ 4.000 đ/củ lên 5.000 - 6.000 đ/củ tùy loại to-nhỏ.

RAU QUẢ



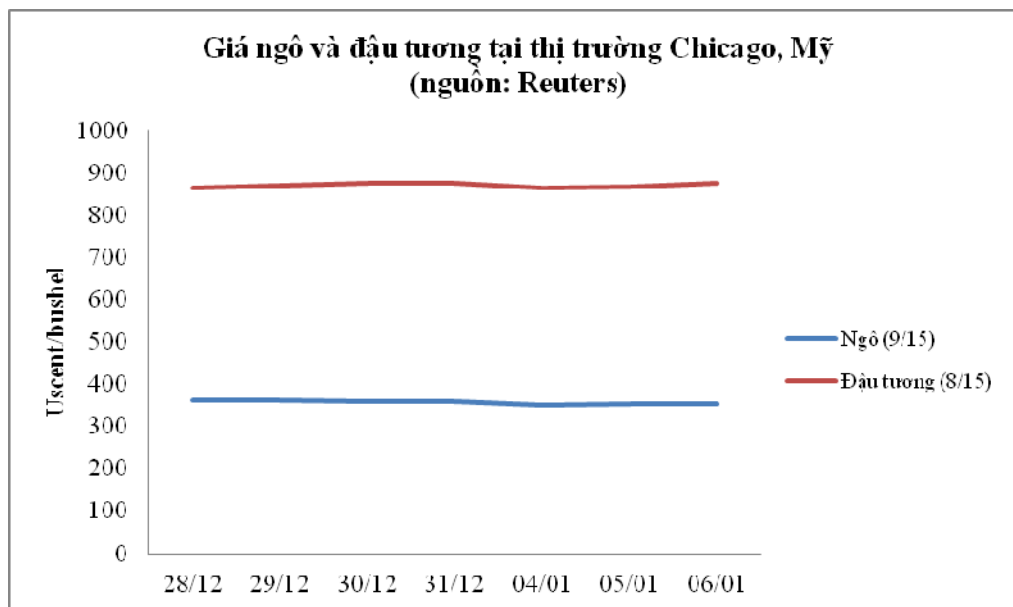
Tình hình xuất nhập khẩu: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của ngành rau quả đạt 2,2 tỉ USD, tăng tới 47% so với năm 2014. Đạt được mức tăng trưởng ngoạn mục trên, theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit) là nhờ trong năm nhiều loại trái cây như nhãn, vải, xoài đã tiếp cận được với nhiều thị trường xuất khẩu khó tính như Mỹ, Úc, EU, Nhật Bản... Tuy vậy, sản phẩm được tiêu thụ vẫn phần lớn do cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài và bán được nhiều chủ yếu là do các đối tác nước ngoài chủ động nhập khẩu, đóng gói theo quy trình và công nghệ tiên tiến.

C.D.H

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



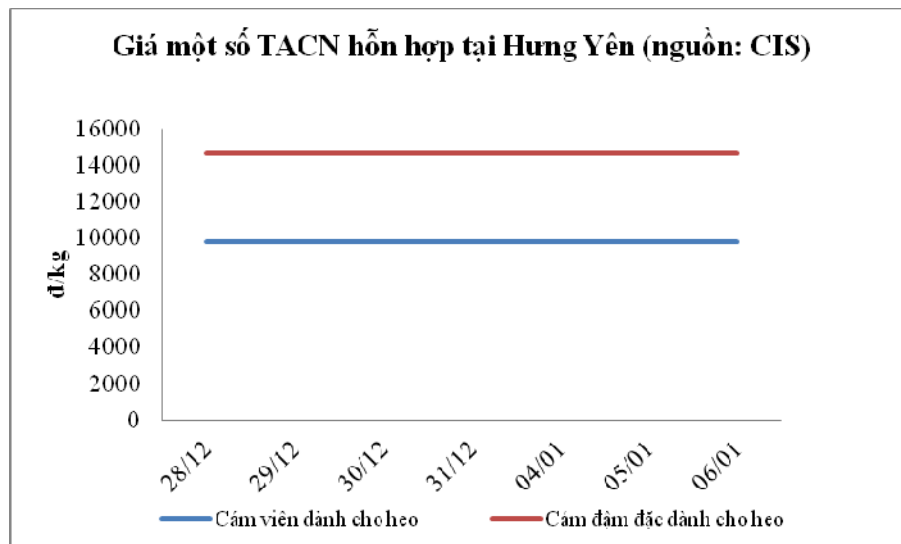
Thị trường thế giới: Theo nguồn tin Reuters, tại thị trường uần qua giá ngô bình quân tuần giảm 2% từ mức giá 360 Uscent/bushel xuống còn 352 Uscent/bushel so với tuần trước. Đồng thời mặt hàng đậu tương cũng có xu hướng giảm nhưng giảm nhẹ chỉ 0,5% so với tuần trước xuống còn 869 Uscent/bushel.



Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, dự báo giá khô đậu tương thế giới trong những tháng tới tiếp tục giảm thấp do nguồn cung đậu tương dồi dào tại các nước trồng lớn, nhu cầu nhập khẩu và tiêu dùng đậu tương thế giới đang chậm lại do Trung Quốc giảm nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu cho sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Thị trường trong nước: Tuần qua, giá thức ăn hỗn hợp trong nước vẫn duy trì ở mức ổn định so với tháng trước, mặc dù thị trường nguyên liệu thức ăn thế giới có xu hướng giảm mạnh. Cụ thể, tại Hưng Yên vẫn giữ vững ở mức giá của tuần trước. Giá cám viên và đậm đặc cho heo vẫn giữ ở mức tương ứng là 9.800đ/kg và 14.700 đ/kg. Với xu hướng giảm giá nguyên liệu nhập khẩu như hiện nay, giá thức ăn chăn nuôi trong thời gian tới dự báo sẽ giảm.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Trong tuần qua nhập khẩu đậu tương tiếp tục tăng so với tuần trước, ước đạt 102,9 nghìn tấn, kim ngạch đạt 40,8 triệu USD, tăng 46,4% về lượng và tăng 47,5% về kim ngạch. Giá nhập khẩu bình quân khô đậu tương tuần qua đạt mức 396,5 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước.

Kế tiếp đến phải kể đến cám mỳ, chủng loại có lượng nhập khẩu lớn thứ 2 trong tuần, đạt 19,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 3,9 triệu USD, tăng đột biến 196,8% về lượng và tăng 197,8% về kim ngạch. Giá nhập khẩu trong tuần mặt hàng này là 197,8 USD/tấn, tăng 7,6 USD/tấn so với tuần trước.

Ngoài ra, mặt hàng DDGS cũng là mặt hàng có lượng nhập khẩu lớn thứ 3 trong tuần, đạt 15,9 nghìn tấn, kim ngạch đạt 3,6 triệu USD, với mức giá nhập khẩu bình quân là 225,5 USD/tấn, giảm 1,1 USD/tấn so với tuần trước.

C.D.H

PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Tuần qua, giá Ure thế giới tiếp tục giảm. Giá Ure ở Trung Đông ở mức 228,5 USD/tấn FOB, giảm 11,75 USD/tấn so với tuần trước. Giá Ure ở Ai Cập ở mức 255 USD/tấn FOB, giảm 3 USD/tấn. Giá Ure tại Trung Quốc là 239,5 USD/tấn, giảm 4 USD/tấn.

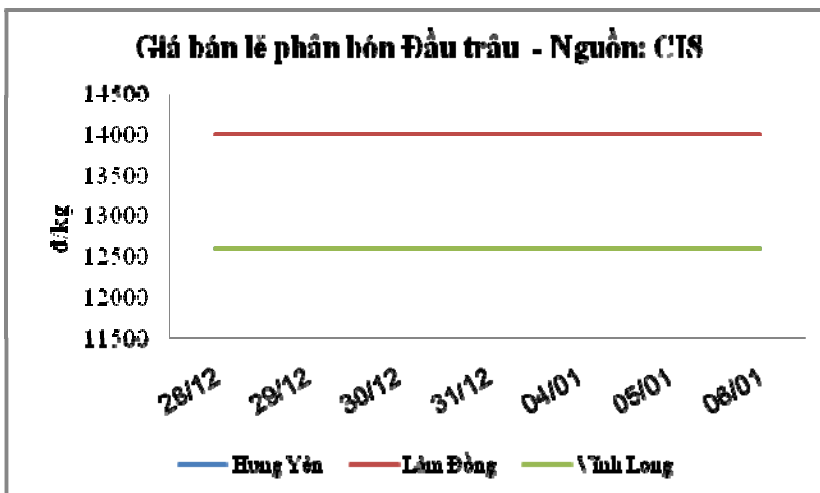
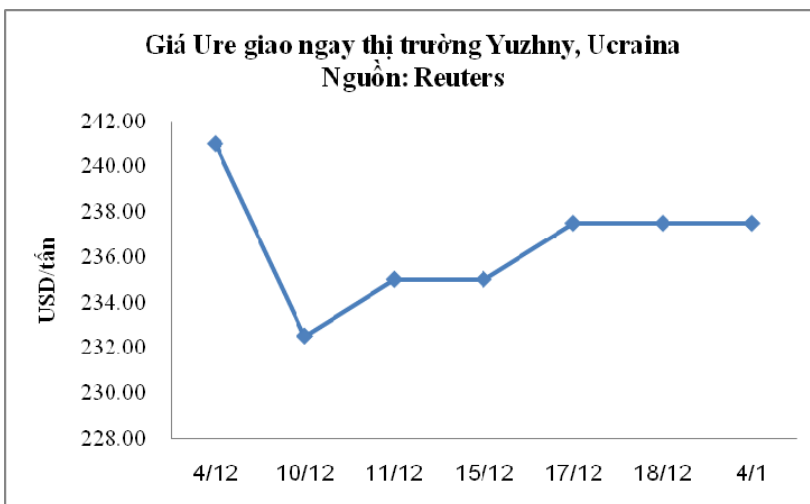
Nhu cầu Ure đang có xu hướng suy giảm ở Brazil và Mỹ. Dự báo, giá Ure thế giới sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong ngắn hạn.

Giá phân DAP thị trường Mỹ ở mức 341 USD/tấn, giảm 5,75 USD/tấn. Giá bán buôn phân Kali khu vực Trung Tây nước Mỹ hiện khoảng 300 USD/tấn trong khi giá bán lẻ cao hơn khoảng 75 USD/tấn, hiện ở mức khoảng 387 USD/tấn, giảm trung bình 22 USD/tấn.

Thị trường trong nước:
Tại chợ Trần Xuân Soạn, thành phố Hồ Chí Minh, mặt hàng Ure Phú Mỹ, Ure Cà Mau được chào bán với giá 6.900-7.400 đ/kg và 6.400-7.000đ/kg. Giá DAP xanh Hồng Hà 64% là 11.000-11.050 đ/kg và DAP nâu Tường Phong là 10.600đ/kg.

Tại Tây Nam Bộ, giá đạm Ure Cà Mau giao động trong mức 6.200-6.250đ/kg (Cà Mau), Ure Phú Mỹ là 6.900 đ/kg tại cảng Vũng Tàu.

Nhìn chung, thị trường phân bón vẫn trầm lắng. Nguyên nhân chủ yếu do lượng hàng tiêu thụ ở mức thấp đồng thời lượng hàng tồn kho tại các địa phương còn khá lớn. Dự báo, năm 2016, rất có khả năng giá phân bón thế giới còn giảm sâu, từ đó tác động đến giá phân bón trong nước.





TÁC ĐỘNG CỦA FED NÂNG LÃI SUẤT ĐỒNG USD ĐẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

1. Vì sao Fed tăng lãi suất đồng USD?

Hiện nay Mỹ vẫn là nền kinh tế lớn nhất trên thế giới và đồng USD vẫn là đồng tiền được sử dụng nhiều nhất trong các hoạt động tài chính và thương mại. Sau 8 năm FED duy trì lãi suất cơ bản thấp nhất lịch sử ở mức 0% đã giúp tránh được sự đổ vỡ của thị trường tài chính thế giới trong giai đoạn 2007-2008 và giúp thị trường tài chính khôi phục trong các năm sau đó. Tuy nhiên, hệ lụy của việc duy trì lãi suất thấp là khuyến khích vay nợ nhiều hơn đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển. Như vậy, khi FED bắt đầu tăng lãi suất, chi phí lãi vay sẽ tăng lên, nguồn vốn nóng sẽ rút ra khỏi các thị trường đang phát triển chảy ngược về Mỹ để hưởng mức lãi suất mới cao hơn và các đồng tiền của các thị trường đang phát triển sẽ chịu rất nhiều áp lực về phá giá, đặc biệt là EU, Nhật Bản, Trung Quốc... trong đó có cả Việt Nam^[1, 2]. Đây chính là lý do tại sao toàn bộ nền kinh tế thế giới đang nín thở theo dõi các động thái của FED trong việc tăng lãi suất cơ bản, theo các chuyên gia kinh tế, nền kinh tế thế giới bắt đầu có dấu hiệu phục hồi đặc biệt là ở Mỹ tỷ lệ lạm phát được giữ ở mức thấp 0,7% so với cùng kỳ năm 2014, mục tiêu của FED họ muốn tăng lãi suất vào tháng 12 này để bật tỷ lệ lạm phát lên 2% và giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp giảm tiệm cận mức dưới 5% (hiện nay là 5,1% so với mức hơn 6,5% năm ngoái và trên 11% cách đây vài năm). Đây chính là lý do Fed sẽ tăng lãi suất đồng USD lên khoảng 0,25% trong cuối tháng 12 năm 2015 hoặc đầu năm 2016^[1, 2]. Các chuyên gia kinh tế thế giới dự báo đồng bạc xanh sẽ tiếp tục tăng cao hơn nữa trong những năm tới, khi FED tiếp tục nâng lãi suất có thể làm giảm tiêu dùng và giảm lạm phát tại Mỹ. Điều này sẽ có tác động cả tích cực và tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam nói chung và thủy sản nói riêng. Cụ thể các tác động như sau:

2. Các tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản

2.1. Các tác động tích cực

- *Thứ nhất*, khi Fed nâng lãi suất đồng USD lên đồng nghĩa giá hàng hóa thủy sản vào Mỹ sẽ tăng tương ứng tạo điều kiện khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, ngoài ra các doanh nghiệp còn được hưởng chênh lệch tỷ giá điều chỉnh trong nước cho phù hợp với sự tăng giá của đồng USD. Tuy nhiên, đây lại không phải là lợi thế để gia tăng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vì khi giá bán tăng lên để đảm bảo lợi nhuận các nhà nhập khẩu chắc chắn sẽ ép giá nhà sản xuất để hạ giá bán, ngoài ra việc điều chỉnh linh hoạt tỷ giá ở trong nước vẫn còn nhiều cân nhắc và khó có thể nới lỏng biên độ phá giá với khoảng rộng hơn năm 2015.



- *Thứ hai*, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản đa dạng hóa các giao dịch ngoại tệ trong trao đổi thương mại quốc tế, giảm tối đa các rủi ro do quá phụ thuộc vào đồng USD trong bối cảnh Fed nâng lãi suất đồng USD. Hiện nay, hầu hết các giao dịch trong xuất nhập khẩu thủy sản của Việt Nam với các nước bằng đồng USD, với đà tăng giá của đồng USD, một số quốc gia và nhà nhập khẩu sẽ phải trao đổi bằng đồng nội tệ hoặc một ngoại tệ mạnh khác như đồng Euro, Yên Nhật, Nhân dân tệ...

2.2. Các tác động không tích cực

- *Thứ nhất*, khi Mỹ tăng lãi suất đồng USD sẽ làm cho nhà nhập khẩu nói chung và thủy sản nói riêng của Mỹ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn tại thị trường Mỹ, điều này sẽ đẩy chi phí và giá bán hàng hóa nhập khẩu tăng lên, trong đó có sản phẩm thủy sản của Việt Nam và hậu quả là người tiêu dùng sẽ giảm chi tiêu hoặc tìm sản phẩm thay thế có giá thấp hơn.

- *Thứ hai*, đồng USD tăng giá sẽ là mối lo cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trong dài hạn. Nếu FED tăng giá, đồng USD mạnh lên sẽ ảnh hưởng xấu đến các thị trường xuất khẩu truyền thống của ngành như EU, Nhật, do đồng tiền các nước này sẽ mất giá mạnh so với đồng USD, kéo theo sẽ làm cho hàng hóa của Việt Nam nói chung và thủy sản nói riêng đến tay người tiêu dùng sẽ đắt hơn và kém cạnh tranh so với đối thủ khác. Chưa kể sức mua từ những thị trường này đang yếu do kinh tế khó.

- *Thứ ba*, cho dù Mỹ tăng lãi suất, có thể hầu hết các nước lại không tăng và duy trì chính sách nói lỏng để giữ đồng nội tệ yếu, khuyến khích xuất khẩu, tăng trưởng trong bối cảnh lạm phát thấp do giá dầu suy yếu. Với một nền kinh tế có độ mở lớn cùng một cơ chế neo tỷ giá theo USD như Việt Nam thấp hơn các nước như EU, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước ASEAN... Theo đó, sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu suy giảm, ảnh hưởng xấu đến xuất khẩu và cán cân thương mại thủy sản^[2].

- *Thứ tư*, đồng USD tăng giá sẽ khiến cho giá nhập khẩu các sản phẩm thủy sản có giá đắt hơn, hiện nay thủy sản đang nhập nguyên liệu với giá trị khoảng trên dưới 1 tỷ USD, nếu tăng thêm 0,25% đồng nghĩa nhập khẩu nguyên liệu thủy sản sẽ phải tăng thêm 2,5 triệu USD^[3]. Điều này sẽ đẩy giá xuất khẩu các mặt hàng tạm nhập tái xuất lên cao, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và giá trị xuất khẩu chung của ngành thủy sản trong những năm tới.

- *Thứ năm*, khi đồng USD tăng lên đồng nghĩa là các mặt hàng sản xuất tại Mỹ sẽ có chi phí lớn hơn và khả năng cạnh tranh kém hơn các nước khác, đặc biệt là mặt hàng cá da trơn của Việt Nam, trong trường hợp này các rào cản kỹ thuật hiện đại sẽ được dựng lên nhằm bảo vệ ngành cá da trơn của Mỹ (điều này chắc chắn sẽ xảy ra trong thời gian tới và sẽ tác động rất lớn đến kim ngạch xuất khẩu cá da trơn của Việt Nam).

- *Thứ sáu*, ảnh hưởng rất lớn đến các nguồn vốn huy động từ nước ngoài và các tổ chức quốc tế cho phát triển thủy sản giai đoạn 2016-2020 vì khi FED tăng lãi suất đồng USD nhiều khả năng sẽ làm cho dòng vốn đầu tư ở các thị trường mới nổi và thị trường cận biên trong đó có Việt Nam rút bớt về Mỹ, nhất là các dòng tiền nóng.



3. Một số đề xuất kiến nghị

- *Thứ nhất*, Chính phủ cần điều hành tỷ giá linh hoạt hơn nữa, mở rộng biên độ tỷ giá giữa VNĐ/USD để kích thích xuất khẩu nông lâm sản nói chung và thủy sản nói riêng.

- *Thứ hai*, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản khi trao đổi thương mại với các nước cần linh hoạt hơn trong việc qui đổi các loại tiền, thay vì chỉ giao dịch bằng đồng USD có thể giao dịch bằng đồng Euro, đồng Yên Nhật Bản... hoặc đồng nội tệ của các nước nhằm hạn chế tối đa các rủi ro không đáng có từ việc quá phụ thuộc vào đồng USD.

- *Thứ ba*, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản phải có kế hoạch tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó giúp nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh Mỹ sẽ tăng cường mạnh hơn các rào cản kỹ thuật hiện đại để hạn chế xuất khẩu của các nước vào Mỹ khi đồng USD tăng giá.

- *Thứ tư*, nhà nước phải tăng cường mạnh hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội... nhằm tránh tối đa các rủi ro không đáng có trong xuất khẩu vì khi đồng USD tăng lên giá hàng hóa của Mỹ sẽ đắt đỏ hơn, khả năng cạnh tranh sẽ kém hơn các nước, chắc chắn các rào cản kỹ thuật hiện đại sẽ được dựng lên nhằm hạn chế xuất khẩu của các nước để bảo vệ sản xuất trong nước.

(ThS. Nguyễn Tiến Hưng - Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản)

Tài liệu tham khảo

1) TS. Nguyễn Minh Long (2015), *FED không tăng lãi suất và triển vọng tỷ giá VNĐ*, đăng trên báo điện tử Nhân dân ngày 19/9/2015.

2) TS. Tô Trung Thành (2015), *Mỹ tăng lãi suất sẽ là cú sốc mới cho kinh tế Việt Nam*, đăng trên báo điện tử vnexpress.net ngày 17/9/2015.

3) Hiện Hội chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam (2014), *Báo cáo xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2014*.

CHƯA ÁP DỤNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA “NGHỊ ĐỊNH CÁ TRA”

Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN-PTNT) là chưa áp dụng một số nội dung của Nghị định số 36/2014/NĐ-CP, thường gọi là nghị định cá tra, trong đó có quy định về tỷ lệ mạ băng và hàm ẩm.

Bộ NN-PTNT cho biết Chính phủ đã đồng ý chưa thực hiện quy định tại điểm b và điểm c, khoản 3, điều 6 của nghị định cá tra, nghĩa là doanh nghiệp khi xuất khẩu sản phẩm cá tra chưa phải áp dụng quy định về tỷ lệ mạ băng.

Nghị định này quy định “tỷ lệ mạ băng (tỷ lệ nước mạ băng trên tổng trọng lượng) đối với sản phẩm cá tra xuất khẩu phải phù hợp với quy định của nước nhập khẩu. Các trường hợp khác, tỷ lệ mạ băng không vượt quá 10% và hàm lượng nước tối đa không được vượt quá 83% so với khối lượng tịnh (khối lượng cá tra phi lê sau khi loại bỏ lớp mạ băng) của sản phẩm”. Theo Bộ NN-PTNT, doanh nghiệp chưa phải áp dụng quy định này trong khi chờ đợi Chính phủ ban hành nghị định mới, sửa đổi nghị định cá tra, trong thời gian tới.

Ngoài quy định trên, Chính phủ cũng thống nhất chưa thực hiện quy định các cơ sở nuôi cá tra thương phẩm phải đạt chứng nhận VietGAP (thực hành sản xuất nông nghiệp tốt) hoặc các chứng nhận quốc tế tương đương phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Chính phủ cũng đồng ý chưa thực hiện quy định đăng ký hợp đồng xuất khẩu cá tra qua Hiệp hội Cá tra Việt Nam (VN Pangasius) là điều kiện bắt buộc để hải quan chấp nhận cho thông quan các lô hàng xuất khẩu.

(Nguồn: thesaigontimes)

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

| CÀ PHÊ | | | | | | | | | |
|-----------------------|---------------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Trong nước | | | | | | | | | |
| Cà phê nhân xô vối | Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột | đ/kg | 33500 | 33500 | 33400 | 33300 | 33700 | 33600 | 33200 |
| Cà phê nhân xô vối | Đà Lạt - Lâm Đồng | đ/kg | 33000 | 33100 | 33000 | 33000 | 33500 | 33500 | 33000 |
| Thế giới | | | | | | | | | |
| Cà phê Robusta (1/16) | London - Anh | USD /tấn | | 1477 | 1476 | 1476 | 1481 | 1465 | 1451 |

| CAO SU | | | | | | | | | |
|--------------------------------|-----------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Trong nước | | | | | | | | | |
| Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg) | Bình Phước-Phước Long | đ/kg | 5760 | | 5760 | 5760 | 5760 | | 5760 |
| Thế giới | | | | | | | | | |
| cao su RSS3 (1/16) | TOCOM- Nhật Bản | Yên/kg | 148,5 | 146,1 | 147,3 | 147,3 | 140 | 137,3 | 134 |
| RSS3 C1 BKK (Giao ngay) | Bangkok - Thái Lan | TLB /kg | 45,75 | 45 | 44,65 | 44,65 | 44,65 | 43,65 | 43,15 |
| SIR20 BELAWAN NN (1/16) | Indonesia | Uscent /kg | | 125,5 | 125 | 125 | 123,5 | | 119 |

| ĐƯỜNG | | | | | | | | | |
|--------------------|-------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 | |
| Đường trắng (3/16) | London -Anh | USD /tấn | 410,6 | 419 | 419 | 419,2 | 412,7 | 419,2 | |

| GỖ | | | | | | | | | |
|-----------------|-------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Gỗ xẻ (1/16) | Chicago - Mỹ | USD /tbf | 259,5 | 256,5 | 256,9 | 256,9 | 254,4 | 256,5 | 255,5 |

| CHĂN NUÔI | | | | | | | | | |
|--------------------|---------------------------------|------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Trong nước | | | | | | | | | |
| Gà trống ta hơi | Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ | đ/kg | 90000 | 90000 | 90000 | 90000 | 90000 | 90000 | 90000 |
| Gà Công nghiệp hơi | Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ | đ/kg | 28000 | 28000 | 28000 | 28000 | 28000 | 28000 | 28000 |
| Gà trống ta hơi | An Giang- Thoại Sơn | đ/kg | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 |
| Lợn hơi | Vĩnh Long-Chợ Vung Liêm | đ/kg | 41000 | | 41000 | 41000 | 41000 | | 41000 |
| Lợn hơi | An Giang- Thoại Sơn | đ/kg | 38000 | 39000 | 39000 | 39000 | 39000 | 39000 | 39000 |
| Thế giới | | | | | | | | | |
| Lợn hơi (2/16) | Chicago - Mỹ | Uscent /lb | 59,125 | 59,15 | 59,775 | 59,775 | 59,425 | 61,1 | 60,825 |

| THỨC ĂN CHĂN NUÔI | | | | | | | | | |
|--|------------------|----------------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Trong nước | | | | | | | | | |
| Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H | Hưng Yên- Yên Mỹ | đ/kg | 9800 | | 9800 | 9800 | 9800 | | 9800 |
| Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS | Hưng Yên- Yên Mỹ | đ/kg | 14700 | | 14700 | 14700 | 14700 | | 14700 |
| Thế giới | | | | | | | | | |
| Ngô (03/16) | Chicago - Mỹ | Uscent /Bushel | 361 | 362,5 | 359 | 359 | 351,5 | 353 | 353,25 |
| Đậu tương (1/16) | Chicago - Mỹ | Uscent /Bushel | 865 | 870 | 875,5 | 875,5 | 864,5 | 867,75 | 875,75 |

| PHÂN BÓN | | | | | | | | | |
|-------------------------|------------------------------|------------|--------|-------|--------|--------|--------|-------|--------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Trong nước | | | | | | | | | |
| Phân Đầu trâu L1 | Hung Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng | đ/kg | 12600 | | 12600 | 12500 | 12500 | | 12500 |
| NPK cò pháp (20-20-15) | Lâm Đồng - Đà Lạt | đ/kg | 14000 | 14000 | 14000 | 14000 | 14000 | 14000 | 14000 |
| NPK 20-20-15 | Vĩnh Long- Bình Minh | đ/bao 50kg | 630000 | | 630000 | 630000 | 630000 | | 630000 |
| Thế giới | | | | | | | | | |
| Urea Yuzhny (Giao ngay) | Nga | USD /tấn | | | | | 237,5 | | |

| LÚA, GẠO | | | | | | | | | |
|-------------------------------------|------------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 |
| Lúa đông xuân sớm IR50404 | Vĩnh Long | đ/kg | 4800 | | 4800 | 4800 | 4800 | | 4800 |
| Lúa CLC IR 50404 (lúa ướt) | An Giang - Thoại Sơn | đ/kg | 4950 | 4850 | 4850 | 4850 | 4800 | 4800 | 4800 |
| Lúa CLC OM 2514 (lúa ướt) | An Giang - Thoại Sơn | đ/kg | 5000 | 5000 | 5000 | 5000 | 4950 | 4900 | 4900 |
| Lúa CLC OM 1490 (lúa ướt) | An Giang - Thoại Sơn | đ/kg | 5000 | 5000 | 5000 | 5000 | 4950 | 4900 | 4900 |
| Lúa CLC OM 2717 (lúa ướt) | An Giang - Thoại Sơn | đ/kg | 5000 | 5000 | 5000 | 5000 | 5000 | 4900 | 4900 |
| Lúa ướt | Bạc Liêu- Công ty lương thực | đ/kg | | | | | | | 4700 |
| Lúa tẻ thường | Kiên Giang- Tân Hiệp | đ/kg | 5900 | | 5900 | 5900 | 5900 | | 5900 |
| Lúa dài | Kiên Giang- Tân Hiệp | đ/kg | 6100 | | 6100 | 6100 | 6100 | | 6100 |
| Gạo CLC IR 50404 | Vĩnh Long | đ/kg | 11000 | | 11000 | 11000 | 11000 | | 11000 |
| Gạo tẻ chất lượng cao (CLC)IR 50404 | An Giang - Thoại Sơn | đ/kg | 10000 | 10000 | 9500 | 9500 | 9500 | 9500 | 9500 |

| CHÈ | | | | | | | | | | |
|---------------------------------------|--------------------------------------|--------|-------|--------|--------|-------|-------|--------|--------|--------|
| MẶT HÀNG | THỊ TRƯỜNG | ĐƠN VỊ | NGÀY | | | | | | | |
| | | | 28/12 | 29/12 | 30/12 | 31/12 | 04/01 | 05/01 | 06/01 | |
| Chè xanh búp khô | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg | | 130000 | 130000 | | | 130000 | 130000 | 130000 |
| Chè cành chất lượng cao | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg | | 220000 | 220000 | | | 220000 | 220000 | 220000 |
| Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg | | 160000 | 160000 | | | 160000 | 160000 | 160000 |
| Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1 | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg | | 13000 | 13000 | | | 13000 | 13000 | 13000 |
| Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2 | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg | | 8000 | 8000 | | | 8000 | 8000 | 8000 |
| Sản xuất chè xanh (giá loại 1) | Lâm Đồng - Bảo Lộc | đ/kg | 9000 | 9000 | 9000 | 9000 | 8000 | 8000 | 8000 | 8000 |
| Sản xuất chè đen (giá loại 1) | Lâm Đồng - Bảo Lộc | đ/kg | 4500 | 4500 | 4500 | 4500 | 4000 | 4000 | 4000 | 4000 |

